

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI – MÔI TRƯỜNG THIÊN PHƯỚC
NHÀ MÁY XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT, CÔNG NGHIỆP
VÀ CHẤT THẢI NGUY HẠI

MST: 3600630665

Địa chỉ VP: 11/2/19, Kp11, Đ. Nguyễn Văn Tiên, P. Tân Phong, Tp. Biên Hòa, T. Đồng Nai

Địa chỉ nhà máy: Xã Xuân Mỹ, Huyện Cẩm Mỹ, Tỉnh Đồng Nai

ĐT: 02513.997.461 – 0918.741.172



HỒ SƠ GIỚI THIỆU
NĂNG LỰC VÀ PHÁP LÝ

NHÀ MÁY XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT, CÔNG NGHIỆP
VÀ CHẤT THẢI NGUY HẠI



QMS Certification Services



ĐỒNG NAI, 2024

LỜI GIỚI THIỆU

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - MÔI TRƯỜNG THIÊN PHƯỚC xin gửi lời chào trân trọng đến quý khách hàng và các đối tác.

Công ty Thiên Phước là một công ty xử lý môi trường chuyên nghiệp. Được Tổng Cục Môi Trường cấp Giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại số: 3-4-5-6.037.VX cấp lần 2 ngày 30 tháng 12 năm 2021.

Văn phòng giao dịch công ty .

Địa chỉ : 11/2/19, Kp11, đường Nguyễn Văn Tiên, phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Tel : 02513.997461 - Fax . 02513.997461

Website : moitruongthienphuoc.com

Email : ctythienphuoc68@gmail.com – moitruongthienphuoc@gmail.com

Khu xử lý : Chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp và chất thải nguy hại .

Địa chỉ : Xã Xuân Mỹ, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

Tel : 02513.799515

Khu xử lý chất thải xây dựng trên diện tích 200.000m², được đầu tư trang thiết bị, công nghệ hiện đại, tiên tiến nhất hiện nay cùng với đội ngũ cán bộ công nhân viên được đào tạo chuyên nghiệp và có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực môi trường. Công ty chúng tôi sẽ đáp ứng mọi yêu cầu về thu gom, vận chuyển, lưu giữ, xử lý, tiêu hủy, chôn lấp chất thải theo đúng quy chuẩn về quản lý môi trường hiện hành.

Mục tiêu của cty Thiên Phước cung cấp dịch vụ môi trường tốt nhất cho khách hàng đồng hành cùng khách hàng vì sự nghiệp Môi Trường với một Việt Nam phát triển bền vững môi trường xanh sạch đẹp.

Các dịch vụ của Công ty Thiên Phước:

- Xử lý chất thải rắn sinh hoạt.
- Xử lý chất thải công nghiệp.
- Xử lý và tiêu hủy chất thải nguy hại (chất thải rắn và lỏng).
- Chôn lấp an toàn, chôn lấp hợp vệ sinh.
- Thu gom, vận chuyển, lưu giữ CTNH.
- Thu mua phế liệu.

Hợp tác với chúng tôi, Quý công ty sẽ hài lòng với công tác quản lý, xử lý môi trường bằng công nghệ tiên tiến, hiện đại và hiệu quả cùng với phương thức hợp tác linh hoạt, đáp ứng nhanh .

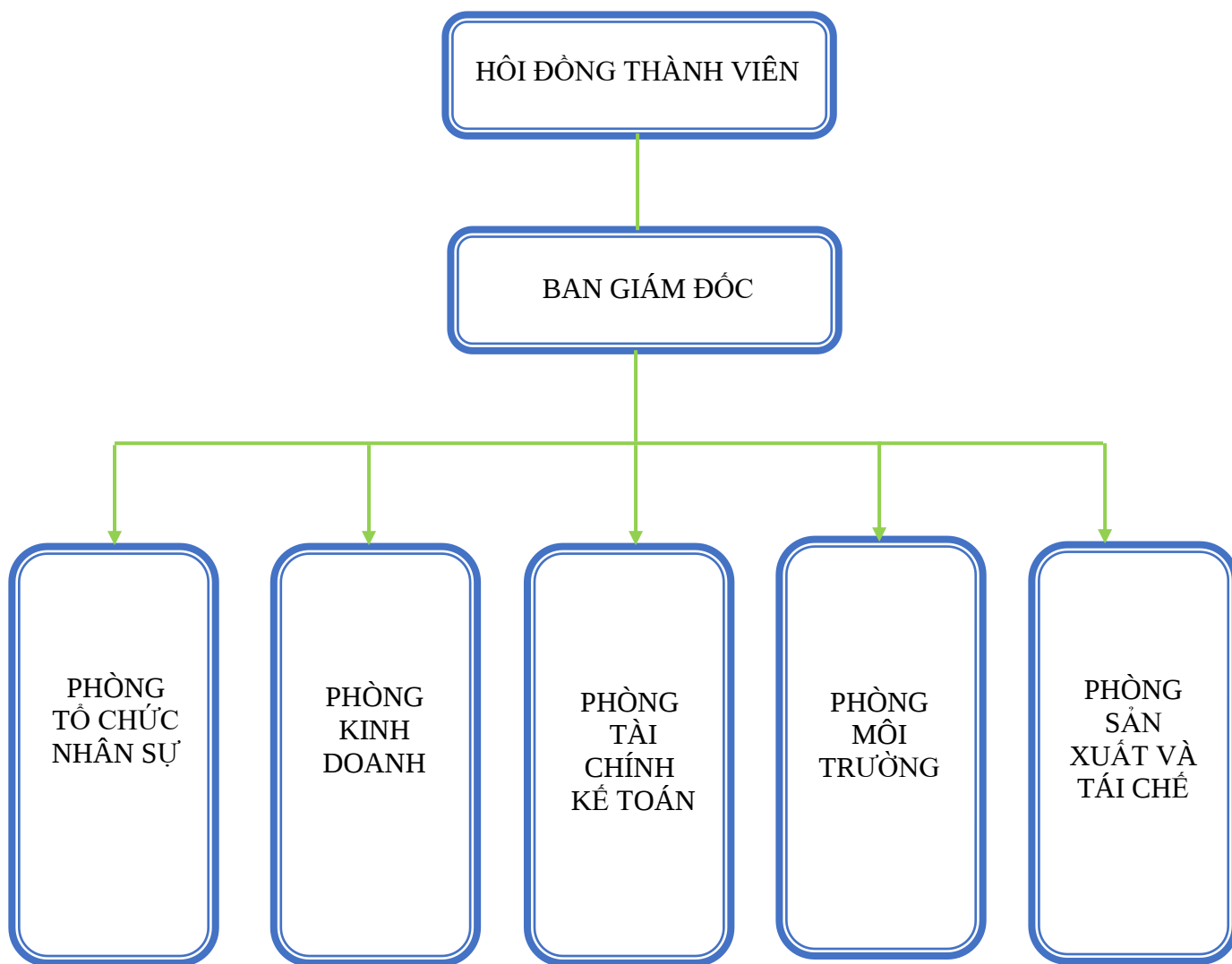
Chúng tôi rất hân hạnh nhận được sự hợp tác của quý Công ty.

CTY TNHH THƯƠNG MẠI - MÔI TRƯỜNG THIÊN PHƯỚC





SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



QHS Certification Services



SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH ĐỒNG NAI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3600630665

Đăng ký lần đầu: ngày 18 tháng 05 năm 2010

Đăng ký thay đổi lần thứ: 7, ngày 24 tháng 06 năm 2021

*(CHUYỂN ĐỔI LOẠI HÌNH TỪ: DNTN THIÊN PHƯỚC ; GCNĐKKD SỐ:
4701000838 CẤP NGÀY 10/03/2003)*

*(CHUYỂN ĐỔI LOẠI HÌNH TỪ: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - MÔI
TRƯỜNG THIÊN PHƯỚC)*

*(CHUYỂN ĐỔI LOẠI HÌNH TỪ CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG
MẠI - MÔI TRƯỜNG THIÊN PHƯỚC)*

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - MÔI TRƯỜNG
THIÊN PHƯỚC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

*11/02/19, KP 11, đường Nguyễn Văn Tiên, Phường Tân Phong, Thành phố Biên Hoà,
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam*

Điện thoại: 0251.3997461

Fax: 0251.3997461

Email: cty.thienphuoc@yahoo.com.vn Website:

3. Vốn điều lệ 70.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Bảy mươi tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
I	NGUYỄN NGỌC BÉ	Việt Nam	Số 11/02/19, KP 11, Đường Nguyễn Văn Tiên, Phường Tân Phong, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	42.000.000.000	60,000	270754785	

2	TRẦN THỊ TRÚC LOAN	Việt Nam	Số 25/2B, KP 3, Phường Quang Vinh, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	28.000.000.000	40,000	270772216
---	-----------------------	-------------	---	----------------	--------	-----------

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN TRẦN CẢNH THU

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 16/01/1998

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 272547797

Ngày cấp: 08/09/2016

Nơi cấp: CA. Đồng Nai

Địa chỉ thường trú: 25/2B, KP 3, Phường Quang Vinh, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 25/2B, KP 3, Phường Quang Vinh, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam



K. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Phan Huy Toàn

Số: **29** /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày **04** tháng **01** năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án
“Bổ sung công nghệ xử lý, tái chế và nâng công suất của Khu xử lý chất thải sinh
hoạt, công nghiệp và chất thải nguy hại Thiên Phước” của Công ty TNHH MTV
Thương mại - Môi trường Thiên Phước, thực hiện tại xã Xuân Mỹ,
huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Bổ sung công nghệ xử lý, tái chế và nâng công suất của Khu xử lý chất thải sinh hoạt, công nghiệp và chất thải nguy hại Thiên Phước” họp ngày 06 tháng 10 năm 2017;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Bổ sung công nghệ xử lý, tái chế và nâng công suất của Khu xử lý chất thải sinh hoạt, công nghiệp và chất thải nguy hại Thiên Phước” đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo Văn bản số 15/CV-TP ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Công ty TNHH MTV Thương mại - Môi trường Thiên Phước;

Xét đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Bổ sung công nghệ xử lý, tái chế và nâng công suất của Khu xử lý chất thải sinh hoạt, công nghiệp và chất thải nguy hại Thiên Phước” (sau đây gọi là Dự án) được lập bởi Công ty TNHH MTV Thương mại - Môi trường Thiên Phước (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:



Handwritten signature or mark.

1.1. Đầu tư bổ sung công nghệ xử lý, tái chế và nâng công suất của Khu xử lý chất thải sinh hoạt, công nghiệp và chất thải nguy hại Thiên Phước tại xã Xuân Mỹ, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai với các hạng mục chính như sau:

1.1.1. Đầu tư bổ sung các hạng mục mới như sau:

- 01 lò đốt chất thải sinh hoạt công suất 72 tấn/ngày;
- 01 hệ thống sản xuất gạch không nung công suất 500 tấn/ngày.

1.1.2. Các thiết bị, công trình xử lý chất thải của toàn bộ Nhà máy sau khi nâng công suất gồm:

*/ Hạng mục xử lý chất thải sinh hoạt gồm:

- 01 lò đốt chất thải sinh hoạt công suất 72 tấn/ngày;
- 01 bãi chôn lấp chất thải sinh hoạt công suất 15 tấn/ngày;

*/ Hạng mục xử lý chất thải công nghiệp không nguy hại:

- 01 hệ thống sản xuất gạch không nung công suất 500 tấn/ngày;
- 01 hệ thống ủ phối trộn đất sạch công suất 30 tấn/ngày;
- 01 bãi chôn lấp chất thải công nghiệp công suất 82 tấn/ngày.

*/ Hạng mục xử lý chất thải nguy hại:

- 01 lò đốt chất thải nguy hại công suất 20 tấn/ngày;
- 01 hệ thống xử lý nước thải và chất thải lỏng công suất 120 m³/ngày (trong đó nước thải thu gom từ bên ngoài về là 40 m³/ngày).
- 01 hệ thống ổn định hóa rắn công suất 1,2 tấn/ngày;
- 01 hệ thống tháo dỡ, xử lý linh kiện điện tử công suất 0,8 tấn/ngày;
- 01 hệ thống súc rửa thùng phuy công suất 4,2 tấn/ngày;
- 01 hệ thống tẩy rửa kim loại, nhựa dính chất thải nguy hại công suất 8 tấn/ngày;
- 01 hệ thống xử lý bóng đèn thủy ngân công suất 0,08 tấn/ngày;
- 01 hệ thống phá dỡ ắc quy công suất 2 tấn/ngày;
- 01 bãi chôn lấp chất thải nguy hại công suất 7,52 tấn/ngày.
- 01 hệ thống chung cất dung môi công suất 1 tấn/ngày;
- 01 hệ thống tái chế chì công suất 1,2 tấn/ngày;
- 01 hệ thống tái chế nhớt thải công suất 4 tấn/ngày.

1.2. Hoạt động xử lý chất thải chứa phóng xạ, hoạt động khai thác vật liệu san lấp phục vụ Dự án và hoạt động khai thác nước ngầm không thuộc phạm vi báo cáo đánh giá tác động môi trường này.

2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với Dự án:

2.1. Tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 26:2010/BTNMT về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT về độ rung và các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường có liên quan trong giai đoạn thi công xây dựng Dự án.

2.2. Thu gom và xử lý toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về

nước thải công nghiệp, cột A và tái tuần hoàn toàn bộ lượng nước thải này theo đúng cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, tuyệt đối không được thải ra ngoài môi trường dưới mọi hình thức.

2.3. Thực hiện các yêu cầu kỹ thuật và môi trường đối với lò đốt chất thải công nghiệp, lò đốt chất thải sinh hoạt và hệ thống tái chế dầu nhớt thải tương ứng theo quy định tại QCVN 30:2012/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải công nghiệp; QCVN 61-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải rắn sinh hoạt với hệ số $K_v=1,2$ và QCVN 56:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tái chế dầu thải; xử lý bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động của các hạng mục khác đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ tại cột B với các hệ số $K_p = 0,9$; $K_v = 1,2$ và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

2.4. Thiết kế bãi chôn lấp chất thải theo các Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam (TCXDVN): bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt và chất thải công nghiệp không nguy hại theo TCXDVN 261:2001, bãi chôn lấp chất thải nguy hại theo TCXDVN 320:2004; hạn chế sự rửa trôi, xói mòn đất, đặc biệt đảm bảo an toàn cho bãi chôn lấp rác không bị vỡ do mưa lũ.

2.5. Thực hiện việc xây dựng tường bao chống thấm xung quanh khu vực dự án và cải tạo dòng thoát nước mưa về suối Sóc chảy về sông Thị Vải như đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

2.6. Thu gom, xử lý các loại chất thải rắn phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng và vận hành Dự án theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và các yêu cầu về vệ sinh môi trường có liên quan.

2.7. Thực hiện các biện pháp quản lý, kỹ thuật để phòng ngừa, ứng cứu các sự cố môi trường có thể xảy ra trong quá trình xử lý chất thải.

2.8. Thực hiện chương trình giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; số liệu giám sát phải được cập nhật, lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

3. Các điều kiện kèm theo:

3.1. Thực hiện việc xác nhận bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường, đăng ký xử lý chất thải nguy hại và đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của Dự án theo đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

3.2. Tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy, nổ trong quá trình hoạt động của Dự án theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3. Thực hiện việc kiểm định về an toàn, đăng ký và công bố chất lượng đối với các loại sản phẩm của Dự án trước khi sử dụng theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Chủ Dự án có các trách nhiệm sau đây:

1. Lập và gửi kế hoạch quản lý môi trường của dự án để niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường, các điều kiện nêu tại Điều 1 Quyết định này và các nội dung bảo vệ môi trường khác đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

3. Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa Dự án vào vận hành chính thức theo quy định hiện hành của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

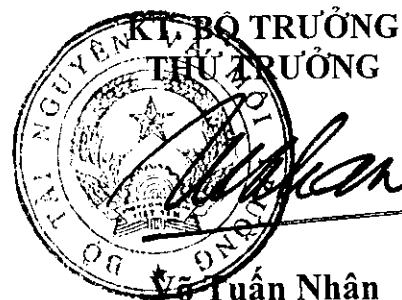
Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án theo quy định của tại Khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 4. Ủy nhiệm Tổng cục Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai và các đơn vị có liên quan thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./. *vtm*

Nơi nhận:

- Công ty TNHH MTV TM-MT Thiên Phước;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- UBND tỉnh Đồng Nai;
- Sở TN&MT tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: VT, TCMT(04), VPMC, L(12) *vtm*



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2021

GIẤY PHÉP XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.037.VX

(Cấp lần 2)

I. Thông tin chung về chủ xử lý CTNH:

Tên: Công ty TNHH Thương mại - Môi trường Thiên Phước

Địa chỉ văn phòng: 11/02/19 khu phố 11, đường Nguyễn Văn Tiên, phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 0918 741 172 Fax: 02513 997461 Email: cty.thienphuoc@yahoo.com.vn

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3600630665 ngày cấp (thay đổi lần 7): 24/6/2021

Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

II. Nội dung cấp phép:

1. Được phép thực hiện dịch vụ vận chuyển và xử lý CTNH cho các chủ nguồn thải trên địa bàn hoạt động theo Mục 1 của Phụ lục I kèm theo.
2. Được phép sử dụng, vận hành các phương tiện, thiết bị chuyên dụng theo Mục 2 của Phụ lục I kèm theo.
3. Được phép vận chuyển và xử lý các loại CTNH theo Mục 3 của Phụ lục I kèm theo.
4. Được phép thực hiện những điều chỉnh theo quy định tại các Phụ lục khác kèm theo (nếu có).

III. Điều khoản thi hành:

Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày 30 / 12/2026 và thay thế Giấy phép xử lý CTNH mã số QLCTNH 3-4-5-6.037.VX do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lần đầu ngày 06 tháng 11 năm 2018 cho Công ty TNHH Một thành viên Thương mại - Môi trường Thiên Phước.

Nơi nhận:

- Như phần I;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- UBND tỉnh Đồng Nai;
- Sở TN&MT tỉnh Đồng Nai;
- Văn phòng TN&TKQ;
- Lưu: VT, TCMT, QLCT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG

Võ Tuấn Nhân

IV. CÁC YÊU CẦU CỤ THỂ ĐỐI VỚI CHỦ XỬ LÝ CTNH

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý CTNH và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường khác có liên quan.
2. Không được phép đốt các CTNH có chứa hợp chất halogen hữu cơ, thủy ngân, Pb, Cd vượt ngưỡng CTNH theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 07: 2009/BTNMT.
3. Các loại chất thải có tính axit, bazơ khi tận dụng làm phụ gia trong hệ thống xử lý nước thải phải được cân đối về khối lượng để đảm bảo giá trị pH và các thông số ô nhiễm của nước thải sau xử lý không vượt ngưỡng cho phép theo quy định tại QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A).
4. Trong trường hợp tiếp nhận thêm CTNH từ các chủ xử lý CTNH khác theo hợp đồng được cơ quan cấp phép chấp thuận thì phải cân đối để đảm bảo tổng công suất xử lý không vượt quá số lượng CTNH được cấp theo Giấy phép này.
5. Khi có nhu cầu thay đổi phương án xử lý trên cơ sở các hệ thống, thiết bị chuyên dụng sơ chế, xử lý đã được cấp phép thì phải có văn bản giải trình gửi cơ quan cấp phép để xem xét, chấp thuận trước khi thực hiện.
6. Lập nhật ký vận hành các hệ thống xử lý và sổ theo dõi số lượng, chất lượng các sản phẩm hóa rắn, tái chế hoặc thu hồi từ CTNH, lưu trữ với thời hạn ít nhất 05 năm để cơ quan nhà nước kiểm tra, giám sát. Trường hợp đưa ra lưu hành trên thị trường đối với sản phẩm sau hóa rắn, tái chế hoặc thu hồi thì phải công bố tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa theo quy định.
7. Đảm bảo lượng chất thải tiếp nhận tại một thời điểm nhất định không vượt quá công suất của khu tập kết, phân loại và kho lưu giữ CTNH được ghi trong Giấy phép.
8. Chất thải phát sinh từ quá trình phá dỡ, sơ chế CTNH phải được phân định CTNH, chất thải thông thường, phế liệu để chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý phù hợp hoặc tự xử lý tại cơ sở theo đúng quy định (Chất thải chứa chì thu được từ quá trình phá dỡ ắc quy phải chuyển giao cho đơn vị có giấy phép xử lý CTNH để xử lý).
9. Được phép sử dụng các phương tiện vận chuyển, hệ thống, thiết bị xử lý CTNH đã được cấp phép để thu gom, vận chuyển và xử lý các loại chất thải thông thường có tính chất tương tự với các nhóm CTNH được cấp phép. Công ty phải cân đối để đảm bảo không vượt công suất của thiết bị xử lý CTNH đã được cấp phép.
10. Khẩn trương hoàn thành việc xử lý xỉ than tồn đọng tại Nhà máy; không được tiếp tục thu gom xỉ than về Nhà máy cho đến khi hoàn thành việc xử lý lượng xỉ than còn tồn đọng, có văn bản báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, chấp thuận trước khi thực hiện.
11. Không được thu gom, xử lý bùn thải (là chất thải rắn công nghiệp thông thường) để sản xuất đất sạch khi chưa đầu tư, xây dựng hệ thống, thiết bị và đưa vào vận hành theo đúng quy định của pháp luật;
12. Nhanh chóng có biện pháp khắc phục, xử lý đối với lượng bùn thải công nghiệp thông thường và chất thải rắn sinh hoạt còn tồn đọng tại Nhà máy theo yêu cầu của Đoàn Thanh tra theo Quyết định số 453/QĐ-TCMT ngày 27/4/2021 của Tổng cục Môi trường.
13. Lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục đối với một số thông số môi trường đặc thù của hệ thống xử lý khí thải của lò đốt chất thải nguy hại công suất 1.000 kg/giờ theo quy định của pháp luật.
14. Nghiêm túc thực hiện, khắc phục các vi phạm, tồn tại theo các kết luận thanh tra, kiểm tra.

V. DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ XỬ LÝ

1. Cơ sở xử lý (duy nhất): Khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp và chất thải nguy hại.

Địa chỉ: xã Xuân Mỹ, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 02513 799235 Fax: 02513 799235 Email: moitruongthienphuoc@gmail.com

VI. XÁC NHẬN HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Theo quy định của Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý CTNH, các công trình bảo vệ môi trường dưới đây đã được hoàn thành phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt - công nghiệp - nguy hại” và Dự án “Bổ sung công nghệ xử lý, tái chế và nâng công suất của Khu xử lý chất thải sinh hoạt, công nghiệp và chất thải nguy hại Thiên Phước” theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt tại Quyết định số 2514/QĐ-BTNMT ngày 30 tháng 01 năm 2010 và Quyết định số 29/QĐ-BTNMT ngày 04 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như sau:

1. Hệ thống xử lý khí thải lò đốt công suất 1.000 kg/giờ, gồm: Thiết bị giải nhiệt nước 1 và 2 → bể sục khí → Tháp hấp thụ → Ống khói.

- Thông số quan trắc định kỳ: Lưu lượng khí thải, nhiệt độ, bụi tổng, CO, SO₂, NO_x, Hg, Cd, Pb, tổng các kim loại nặng khác (As, Sb, Ni, Co, Cu, Cr, Sn, Mn, Tl, Zn), HCl, HF, HC, dioxin/furan.

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần (riêng thông số dioxin/furan quan trắc với tần suất 1 năm/lần).

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 30:2012/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải công nghiệp, cột B.

Công ty được miễn quan trắc định kỳ đối với các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục sau khi hoàn thành lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục (bao gồm các thông số: lưu lượng, nhiệt độ, áp suất, O₂ dư, bụi tổng, SO₂, NO_x và CO), có camera theo dõi, được kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường và truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai theo dõi, giám sát.

2. Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 120 m³/ngày, gồm hệ thống xử lý nước thải và chất thải lỏng (tiền xử lý nước thải) và hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Hệ thống xử lý nước thải và chất thải lỏng: 04 bể chứa nước thải đầu vào → cụm xử lý hóa lý (bể tách dầu, thiết bị tuyển nổi, bồn tiền xử lý, bể phản ứng và tạo bông 1, bể lắng 1, bể UASB, bể trung hòa, bể phản ứng và tạo bông 2, 3) → cụm xử lý sinh học (bể aeroten, bể lắng) → Bể trung gian → Bể lọc áp lực → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung: Bể gom nước thải → Bể điều hòa → cụm xử lý hóa lý (Bể trung hòa, bể keo tụ, bể tạo bông, bể lắng hóa lý, bể chứa trung gian) → cụm lọc (bồn lọc cát, bồn lọc tinh, cột lọc RO, bồn lọc than hoạt tính) → Bể chứa nước thải sau xử lý (Tái sử dụng hoàn toàn)

- Thông số quan trắc định kỳ: pH, màu, SS, BOD₅, COD, nitrit, nitrat, sắt, tổng N, tổng P, amoniac, dầu mỡ, coliform, Cu, Pb, Cd, Hg, Cr.

- Tần suất quan trắc định kỳ: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A, K_q = 0,9 và K_f = 1,1).

3. Hệ thống xử lý khí thải của hệ thống xử lý bóng đèn huỳnh quang, gồm: Lọc bụi túi vải → Tháp hấp phụ than hoạt tính → ống thoát khí.

- Thông số quan trắc định kỳ: Bụi tổng.

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, $K_p = 0,9$, $K_v = 1,2$).

4. Hệ thống thu gom, thoát nước mưa và nước thải.

PHỤ LỤC I

(Kèm theo Giấy phép xử lý CTNH có mã số QLCTNH: 3-4-5-6.037.VX
cấp lần 2 ngày tháng năm 2021)

1. Địa bàn hoạt động được phép (quy định tại Bảng 3, Phụ lục 7 Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT)

Vùng	Tỉnh
Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung	Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận
Tây Nguyên	“Toàn bộ vùng”
Đông Nam Bộ	“Toàn bộ vùng”
Đồng bằng sông Cửu Long	“Toàn bộ vùng”

2. Danh sách phương tiện, thiết bị được phép vận hành:

TT	Phương tiện, thiết bị	Số lượng	Loại hình
A	Nhóm phương tiện, thiết bị xử lý CTNH		
I	Nhóm phương tiện, thiết bị xử lý CTNH		
1	Lò đốt chất thải nguy hại, công suất 1.000kg/giờ (tương đương 20 tấn/ngày)	01	Thiêu hủy
2	Hệ thống xử lý nước thải và chất thải lỏng, công suất 120 m ³ /ngày (tương đương 5 m ³ /giờ), trong đó lượng chất thải lỏng thu gom từ bên ngoài về tối đa là 40 m ³ /ngày	01	Xử lý
3	Hệ thống tháo dỡ, xử lý linh kiện điện tử, công suất 100kg/ngày (tương đương 0,8 tấn/ngày)	01	Sơ chế
4	Hệ thống súc rửa thùng phuy, công suất 300 kg/giờ (tương đương 4,2 tấn/ngày)	01	Xử lý, tái chế
5	Hệ thống tẩy rửa kim loại, nhựa dính CTNH, công suất 1.000 kg/giờ (tương đương 8 tấn/ngày)	01	Xử lý, tái chế
6	Hệ thống xử lý bóng đèn chứa thủy ngân, công suất 4 kg/giờ (tương đương 0,08 tấn/ngày)	01	Xử lý
7	Hệ thống phá dỡ ắc quy, công suất 250 kg/giờ (tương đương 2 tấn/ngày)	01	Xử lý, tái chế
8	Hệ thống ổn định hóa rắn, công suất 300kg/giờ (tương đương 1,2 tấn/ngày)	01	Hóa rắn
II	Nhóm thiết bị đóng gói, lưu giữ CTNH tại cơ sở xử lý		
1	Kho lưu giữ CTNH, diện tích 960m ² (độ cao 3m, năng lực lưu giữ tối đa 2.304 m ³)	01	Lưu giữ tạm thời
2	Kho lạnh lưu giữ chất thải y tế, diện tích 30 m ²	01	Lưu giữ tạm thời
3	Nhóm bao bì: - Thùng phuy nhựa, sắt 200 lít nắp vặn - Thùng nhựa 1.000 lít - Bao bì mềm PE, PP 02 lớp	Theo nhu cầu thực tế	Đóng gói bảo quản
III	Nhóm phương tiện vận chuyển		

1	Nhóm xe tải thùng kín: - Xe Thaco BKS 60C-063.14, tải trọng 2.000kg - Xe Isuzu BKS 60C-227.07, tải trọng 4.750 kg - Xe Hino BKS 60C-332.54, tải trọng 7.750 kg - Xe Hino BKS 51C-541.81, tải trọng 14.500 kg - Xe Hino BKS 51C-583.97, tải trọng 14.500 kg	05	Vận chuyển
2	Nhóm xe tải thùng hở có phủ bạt kín: - Xe Thaco BKS 60C-065.20, tải trọng 6.000 kg - Xe Thaco BKS 60C-065.51, tải trọng 6.000 kg - Xe Thaco BKS 60C-065.25, tải trọng 2.000 kg - Xe Hyundai BKS 60C-069.46, tải trọng 3.700 kg - Xe Hyundai BKS 60C-199.08, tải trọng 17.950 kg - Xe Hyundai BKS 60S-7560, tải trọng 4.400 kg - Xe Hino BKS 60C-007.62, tải trọng 8.400 kg - Xe Hino BKS 60C-293.63, tải trọng 8.150 kg - Xe Hino BKS 60C-257.95, tải trọng 15.400 kg - Xe Dongfeng BKS 60C-344.17, tải trọng 13.600 kg	10	Vận chuyển
3	Xe Sitec: - Xe Hino BKS 51C-772.77, tải trọng 14.950 kg	01	Vận chuyển
4	- Đầu kéo International BKS 60C-389.02, tải trọng 16.000 kg - Đầu kéo International BKS 60C-389.52, tải trọng 16.000 kg - Sơ mi rơ moóc CIMC BKS 60R-030.55, tải trọng 30.900 kg - Sơ mi rơ moóc CIMC BKS 60R-029.71, tải trọng 30.900 kg	04	Vận chuyển
B	Thiết bị xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường		
1	Hệ thống sản xuất gạch không nung từ xỉ than (đã phân loại đạt chuẩn), công suất 100 tấn/ngày	01	Tái chế

3. Danh sách CTNH được phép vận chuyển, xử lý:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng được phép (kg/năm)	Mã CTNH	Phương án xử lý	Mức độ xử lý
I	Các chất thải đưa vào hệ thống lò đốt CTNH		6.600.000			
1	Nhóm bùn thải					
1.1	Bùn thải và bã lọc từ quá trình xử lý khí thải	Bùn/rắn		05 01 03 05 02 09 05 03 06 05 04 03 05 05 03 05 07 05 06 01 05	Phối trộn với các chất thải khác, thiêu hủy trong lò đốt, tro xỉ hóa rắn	QCVN 30: 2012/BTNMT QCVN 07: 2009/BTNMT
1.2	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải	Bùn		01 04 07 02 05 01 03 01 08 03 02 08 03 03 08 03 04 08 03 05 08	Phối trộn với các chất thải khác, thiêu hủy trong lò đốt, tro xỉ hóa	QCVN 30: 2012/BTNMT QCVN 07: 2009/BTNMT

				03 06 08 03 07 08 04 02 04 10 02 03 12 06 05 12 06 06	rắn	
1.3	Bùn thải từ quá trình xử lý, che phủ bề mặt, gia công kim loại	Bùn		07 01 08 07 03 07		
1.4	Bùn thải từ quá trình xử lý nước cấp, tận thu dầu	Bùn		12 07 05 12 09 03		
1.5	Bùn thải lẫn dầu	Bùn		01 03 01 01 04 05 07 03 09 15 02 13 17 05 02 17 05 03		
1.6	Bùn thải có chứa các thành phần nguy hại	Bùn		01 04 01 01 04 02 01 04 03 04 02 05 05 10 01 07 01 04 07 01 05 08 01 02 08 02 02 08 03 02 11 05 02 12 02 02 12 09 01 12 09 02 17 07 01 17 08 05 01 03 02		
2	Các loại hắc ín thải	Rắn/ bùn		01 04 06 01 05 01 05 02 05 05 07 03 12 07 02	Thiêu hủy trong lò đốt, tro xỉ hóa rắn	
3	Bao bì, giẻ lau, vải chứa thành phần nguy hại như sơn, nhựa đường (không có khả năng súc rửa)	Rắn		14 01 05 14 01 06 18 01 01 18 01 02 18 01 03 18 01 04 18 02 01		
4	Các loại cặn thải					
4.1	Các loại cặn phản ứng và cặn đáy tháp chưng cất từ quá trình sản xuất, điều chế và sử dụng hóa chất hữu cơ	Rắn/ lỏng		03 01 05 03 02 05 03 03 05 03 04 05 03 05 05 03 06 05	Thiêu hủy trong lò đốt, tro xỉ hóa rắn	QCVN 30: 2012/BTNMT QCVN 07: 2009/BTNMT

				03 07 05		
				01 01 01		
				01 01 02		
4.2	Các loại cặn thải chứa các thành phần nguy hại khác	Rắn/ lỏng		06 01 06		
				12 06 02		
				19 10 02		
				03 01 07		
				03 02 07		
				03 03 07		
				03 04 07		
5	Các loại chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng hóa chất hữu cơ	Rắn		03 04 09		
				03 05 07		
				03 05 09		
				03 06 07		
				03 07 07		
				03 01 03		
				03 02 03		
				03 03 03		
6	Các loại dịch cặn thải từ quá trình chiết tách (mother liquor), dung dịch tẩy rửa và dung môi hữu cơ thải khác.	Lỏng		03 04 03		
				03 05 03		
				03 06 03		
				03 07 03		
				05 02 04		
				05 03 02		
				05 04 05		
				05 07 02		
				08 01 01		
				08 01 03		
				08 03 03		
				08 02 01		
				08 02 04		
				15 02 09		
				16 01 09		
				09 02 01		
				09 02 03		
				09 02 04		
				09 02 05		
11	Hóa chất thải					
11.1	Hóa chất vô cơ và hữu cơ thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại, chất thải phòng thí nghiệm	Rắn/ lỏng		19 05 02		
				19 05 03		
				19 05 04		
11.2	Hóa chất chống đông thải có các thành phần nguy hại	Rắn/ lỏng/ bùn		15 01 08		
				15 02 06		
11.3	Các loại hóa chất thải khác	Rắn/ lỏng		02 08 01		
				02 09 01		
				02 10 01		
				02 11 01		
					Thiêu hủy trong lò đốt, tro xỉ hóa rắn	QCVN 30: 2012/BTNMT QCVN 07: 2009/BTNMT

				03 02 10 07 01 10 08 04 01 13 02 02 16 01 04 19 09 01 19 09 02 19 09 03 19 09 04		
12	Chất thải từ việc sử dụng các hóa chất nông nghiệp (hóa chất bảo vệ thực vật và diệt trừ các loài gây hại); thuốc diệt trừ các loại gây hại từ hộ gia đình (không có halogen)	Rắn/ lỏng/ bùn		14 01 01 14 01 02 14 01 03 14 01 04 16 01 05		
13	Nhựa than đá	Rắn/ bùn		11 03 01 11 03 02		
14	Gỗ thải có hoặc bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn		09 01 01 11 02 01 12 02 01 12 08 01 16 01 14		
15	Chất thải từ ngành y tế (không bao gồm chất thải bệnh viện) và thú y có chứa thành phần nguy hại	Rắn/ lỏng		13 01 01 13 01 02 13 01 03 13 01 04 13 02 01 13 02 03 14 02 01 14 02 02 16 01 11		
16	Chất thải dễ cháy có các thành phần nguy hại	Rắn/ lỏng		12 01 08 12 02 04 12 02 05 12 2 06		
17	Bộ lọc dầu đã qua sử dụng	Rắn		15 01 02 15 02 02		
18	Chất thải từ buồng lọc cát sỏi và các bộ phận khác của thiết bị tách dầu nước	Rắn/ lỏng		17 05 01 17 05 06		
19	Các loại chất thải khác có các thành phần nguy hại vô cơ, hữu cơ	Rắn/ lỏng/ bùn		19 12 01 19 12 02 19 12 03		
20	Các sản phẩm loại bỏ từ các quá trình sản xuất	Rắn		19 03 01 19 03 02	Thiêu hủy trong lò đốt, tro xỉ hóa rắn	QCVN 30: 2012/BTNMT QCVN 07: 2009/BTNMT
21	Chất thải từ quá trình thủy luyện kim loại màu có các thành phần nguy hại	Rắn/ lỏng/ bùn		01 02 01 05 10 02 05 10 03		
22	Chất xúc tác đã qua sử dụng	Rắn/ lỏng		19 08 01 19 08 02		

				19 08 03 19 08 04		
23	Than hoạt tính đã qua sử dụng	Rắn		02 11 02 12 01 04		
24	Vật liệu lọc, sáp mỡ thải đã qua sử dụng	Rắn		07 03 06 12 07 01 17 07 04		
25	Nhựa trao đổi ion đã bão hoà hay đã qua sử dụng	Rắn		07 01 09 12 06 01		
26	Chất thải không ở pha lỏng có dung môi từ quá trình tẩy mỡ nhờn	Rắn/ bùn		10 01 01		
27	Hỗn hợp dầu mỡ thải và chất béo độc hại từ quá trình phân tách dầu/nước	Lỏng		12 06 04		
28	Các loại chất thải nguy hại khác	Rắn/ lỏng/ bùn		01 01 03 03 02 09 05 11 01 10 01 02 10 02 02 12 01 01 12 01 03 12 07 06 12 08 02 14 02 02 19 12 05		
29	Các thiết bị, bộ phận đã qua sử dụng có khả năng nổ (ví dụ túi khí)	Rắn		15 01 05	Tiền xử lý (bóc, tách) sau đó thiêu hủy trong lò đốt, tro xỉ hóa rắn	
30	Dung môi hữu cơ và các chất thải chứa dung môi	Lỏng		08 01 05 08 03 01 10 02 01 16 01 01 17 08 03 19 01 03	Thiêu hủy trong lò đốt, tro xỉ hóa rắn	
31	Nhóm dầu, mỡ thải, nhiên liệu					
31.1	Nhiên liệu lỏng thải	Lỏng		17 06 01 17 06 02 17 06 03		
31.2	Dầu đáy tàu	Lỏng		17 04 01 17 04 02 17 04 03	Thiêu hủy trong lò đốt, tro xỉ hóa rắn	QCVN 30: 2012/BTNMT QCVN 07: 2009/BTNMT
31.3	Dầu thải (nếu không áp dụng cụ thể theo nhóm mã 17)	Lỏng		15 01 07 15 02 05		
31.4	Dầu thủy lực	Lỏng		17 01 05 17 01 06		

				17 01 07		
31.5	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn gốc khoáng thải	Lỏng		17 02 02 17 02 03 17 02 04		
31.6	Dầu truyền nhiệt và cách điện thải	Lỏng		17 03 03 17 03 04 17 03 05		
32	Chất thải lẫn dầu	Rắn/ lỏng		04 01 01 19 07 01		
33	Chất thải từ quá trình lọc dầu	Lỏng		01 04 04		
34	Dầu phân tán từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng và sử dụng mực in thải	Lỏng		08 02 05		
35	Dầu và chất cô từ quá trình phân tách	Lỏng		12 02 03		
36	Các loại dầu mỡ thải khác	Lỏng		01 04 09 07 03 02 07 03 05 16 01 08 17 03 03 17 05 04 17 07 03		
II	Các chất thải đưa vào hệ thống xử lý nước thải và chất thải lỏng		10.000.000			
1	Axit thải và chất thải tính axit	Lỏng/ bùn		02 01 01 02 01 02 02 01 03 02 01 04 02 01 05 02 01 06 02 07 04 04 01 02 07 01 01 07 01 02 08 02 03 16 01 02 19 06 04	Xử lý tại hệ thống xử lý nước thải	QCVN 40: 2011/BTNMT QCVN 07: 2009/BTNMT
2	Bazơ thải và chất thải có tính bazơ	Lỏng		01 04 08 02 02 01 02 02 02 07 01 03 12 07 04 16 01 03	Xử lý tại hệ thống xử lý nước thải	QCVN 40: 2011/BTNMT QCVN 07: 2009/BTNMT
3	Các loại chất thải khác có tính ăn mòn	Lỏng		19 12 04		

4	Các loại chất thải lẫn dầu, mỡ khác	Lỏng		05 01 02 05 02 10 05 03 07 05 04 04 05 05 04 05 06 01 05 07 06 07 01 07 12 07 03 15 02 11 15 02 12 17 05 05		
5	Nước thải từ các quá trình xử lý khí thải, nước thải	Lỏng		12 01 02 12 09 04		
6	Dung dịch thải từ ngành phim ảnh, dung dịch tẩy rửa, chất thải từ quá trình tráng rửa, làm sạch bề mặt, quá trình mạ điện	Lỏng		07 02 02 07 02 03 19 01 01 19 01 02 19 01 04 19 01 05 19 01 06 19 01 08		
7	Chất tách khuôn thải có chứa các TPNH	Lỏng		05 08 05 05 09 05		
8	Các loại dịch cái thải từ quá trình chiết tách (mother liquor), dung dịch tẩy rửa có gốc nước	Lỏng		03 01 01 03 02 01 03 03 01 03 04 01 03 05 01 03 06 01 03 07 01 17 05 05		
9	Các loại chất thải lỏng khác	Lỏng		07 01 06 07 03 04 08 01 04 10 02 04 12 02 01 16 01 10 17 01 03 17 07 02 19 10 01 19 07 02		
10	Muối và dung dịch muối thải có xyanua hoặc kim loại nặng	Lỏng		02 03 01 02 03 02	Xử lý tại hệ thống xử lý nước thải	QCVN 40: 2011/BTNMT QCVN 07: 2009/BTNMT
III	Các chất thải đưa vào hệ thống tẩy rửa kim loại, nhựa dính CTNH		2.640.000			

1	Phế liệu dính thành phần nguy hại	Rắn		11 04 02 11 04 01		
2	Phoi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lẫn dầu, nhũ tương hay dung dịch thải có dầu hoặc các thành phần nguy hại khác	Rắn/ bùn		07 03 11	Tẩy rửa thu hồi kim loại, nước thải phát sinh được đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung	QCVN 40: 2011/BTNMT QCVN 07: 2009/BTNMT
3	Kim loại dính các thành phần nguy hại	Rắn		15 02 07		
4	Bao bì mềm thải có khả năng tái chế	Rắn		18 01 01		
5	Bình chứa áp suất thải chưa đảm bảo rỗng hoàn toàn	Rắn		19 05 01 13 03 01	Cắt vỏ bình, xả áp sau đó đưa vào hệ thống tẩy rửa thu hồi kim loại, nước thải phát sinh được đưa về hệ thống xử lý nước thải	
IV	Thùng phuy thải	Rắn	1.3860.000	14 01 06 18 01 02 18 01 03 18 01 04	Súc rửa, nước thải phát sinh được đưa về hệ thống xử lý nước thải	QCVN 40: 2011/BTNMT QCVN 07: 2009/BTNMT
V	Thiết bị điện, điện tử thải	Rắn	264.000	15 01 09 15 02 14 16 01 13 19 01 07 19 02 04 19 02 05 19 02 06	Phá dỡ linh kiện điện tử, thu hồi phế liệu, chất thải phát sinh đốt, tro xỉ hóa rắn	QCVN 07: 2009/BTNMT
VI	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	20.000	16 01 06	Sơ chế, chất thải phát sinh hóa rắn	QCVN 19: 2009/BTNMT QCVN 07: 2009/BTNMT
VII	Ắc quy chì thải	Rắn	200.000	16 01 12 19 06 01 19 06 05 19 06 02	Phá dỡ, súc rửa thu hồi phế liệu	QCVN 07: 2009/BTNMT
VIII	Các chất thải đưa vào hệ thống ổn định - hóa rắn		200.000			

1	Tro bay có chứa các thành phần nguy hại	Rắn	04 01 03 04 02 01 04 02 02 12 01 06 12 01 07 12 04 01	Xử lý bằng hệ thống hóa rắn	QCVN 07: 2009/BTNMT
2	Chất thải rắn có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	04 02 03 05 02 08 05 03 05 05 04 02 05 05 02 06 01 04 06 02 01 06 03 02 07 02 01		
3	Lõi và khuôn đúc, chất gấn khuôn thải có các thành phần nguy hại	Rắn	05 08 01 05 08 04 05 09 01 05 09 04		
4	Chất thải có chứa amiang	Rắn	02 07 01 02 11 03 06 03 01 11 06 01 11 06 03 15 01 06		
5	Chất thải từ quá trình sản xuất thủy tinh và gốm sứ, gạch ngói, tấm ốp...	Rắn	06 01 01		
6	Vật thể mài	Rắn	07 03 08 07 03 10 15 02 08		
7	Chất thải từ quá trình sản xuất thủy tinh và thủy tinh hóa	Rắn	06 01 02 06 01 03 12 04 02		
8	Xi có các thành phần nguy hại, xi hàn và que hàn thải	Rắn	05 02 01 05 02 02 05 02 03 05 07 01 07 04 01 07 04 02		
9	Bụi khí thải có các thành phần nguy hại	Rắn	05 02 06 05 02 07 05 03 03 05 03 04 05 04 01 05 05 01 05 07 04 05 08 02 05 08 03 05 09 02 05 09 03	Xử lý bằng hệ thống hóa rắn	QCVN 07: 2009/BTNMT
10	Xi và tro đáy có thành	Rắn	12 01 05		

	phần nguy hại					
11	Xi và văng bột từ quá trình nấu chảy kim loại có chứa các kim loại nặng	Rắn		05 08 06 05 09 06		
12	Chất thải xây dựng và phá dỡ	Rắn		11 01 01 11 07 01 11 08 03		
13	Chất thải có chứa kim loại nặng			02 03 03 02 06 01 02 04 03 06 02 02 12 06 03		
14	Vật liệu thải có chứa các thành phần nguy hại	Rắn		01 04 10 15 02 10 19 11 01 19 11 02 19 11 03		
15	Chất thải khác	Rắn/ bùn		02 11 04 05 02 11 05 03 01 05 03 08 05 11 02 11 05 01 11 05 03 11 06 02		
	Tổng cộng		21.310.000			

4. Hồ sơ kèm theo Giấy phép:

Các bộ Hồ sơ sau đây được Bộ Tài nguyên và Môi trường đóng dấu xác nhận trang Phụ bìa và dấu giáp lai là bộ phận không tách rời kèm theo Giấy phép và Phụ lục của Giấy phép này:

- Bộ hồ sơ đăng ký cấp lại Giấy phép xử lý CTNH với dòng chữ sau trên trang Phụ bìa: “Kèm theo Giấy phép xử lý CTNH có mã số: 3-4-5-6.037.VX do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lần 2 ngày 30 tháng 12 năm 2021”;

- Bộ hồ sơ đăng ký cấp Giấy phép xử lý CTNH với dòng chữ sau trên bìa: “Kèm theo Giấy phép xử lý CTNH có mã số: 3-4-5-6.037.VX do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lần đầu ngày 06 tháng 11 năm 2018”.





CERTIFICATE OF APPROVAL

No. 017-30665-E

This is to certify that the Environmental Management System at

THIEN PHUOC ENVIRONMENT - TRADING COMPANY LIMITED

of

11/2/19 Section 11, Nguyen Van Tien Street, Tan Phong Ward,
Bien Hoa City, Dong Nai Province, Vietnam.

Cam Son Hamlet, Xuan My Ward, Cam My District,
Dong Nai Province, Vietnam.

Has been examined by assessors of QMS Certification Services
and found to be conforming to the requirements of:

ISO 14001:2015 Environmental Management Systems

In respect of the following activities:

Collection, Transportation and Treatment of domestic wastes,
industrial wastes and hazardous wastes.

This certificate is valid from: 06/04/2021 to 05/04/2024
Original certification date: 26/06/2018

Gerry Bonner, CPEng, BEng, FIE Aust, Chairman – QMSCS Pty Ltd
To verify the validity of this certificate please visit www.jas-anz.org/register



Accreditation Number
S1410994MA





Vinacontrol CE®

GIẤY CHỨNG NHẬN

CERTIFICATE

Số/ No.: 07997-QSV

Hệ thống quản lý chất lượng

Quality management system

Của/ of

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI – MÔI TRƯỜNG THIÊN PHƯỚC

THIEN PHUOC TRADING - ENVIRONMENT CO., LTD

Trụ sở chính: 11/02/19, KP 11, Đường Nguyễn Văn Tiên,
Phường Tân Phong, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Head office: 11/02/19, Quarter 11, Nguyen Van Tien Street,

Tan Phong Ward, Bien Hoa City, Dong Nai Province, Vietnam

Nhà máy: Ấp Cẩm Sơn, Xã Xuân Mỹ, Huyện Cẩm Mỹ, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Factory: Cam Son Hamlet, Xuan My Commune, Cam My District, Dong Nai Province, Vietnam.

Đã được đánh giá và xác nhận phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn:

Has been assessed and found to be in accordance with the requirements of:

ISO 9001:2015

Trong lĩnh vực/ For the following scope of registration:

Sản xuất và cung cấp gạch bê tông

Manufacturing and providing of concrete bricks

Ngày ban hành/ Date issued: 15/04/2021

Hiệu lực/ Valid to: 15/04/2024

Tổ chức chứng nhận Vinacontrol

Vinacontrol Certification Body

Chủ tịch Hội đồng Chứng nhận

The Chairman of the Certification Board

PHAN VĂN HÙNG



ĐỖ THỊNH THẮNG

Office: 41 Nguyen Thuong Hien, Hanoi, Vietnam

Tel: (+84-24) 3944.8089 - Fax: (+84-24) 3944.9011 - Website: www.vnce.vn



CERTIFICATE

Số/ No.: 07997-ORCM

Chứng nhân sản phẩm

This is to certify that the product

Gạch bê tông

Concrete bricks

Kiểu loại: Chi tiết tại Phụ lục đính kèm

Types: See details in the attached appendix

Nhãn hiệu / Trademark: EcoFive

Của /Of:

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI -
MÔI TRƯỜNG THIÊN PHƯỚC**
THIEN PHUOC TRADING - ENVIRONMENT CO., LTD

Tru sở chính: 11/02/19, KP 11, Đường Nguyễn Văn Tiên.

Phường Tân Phong, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Head office: 11/02/19, Quarter 11, Nguyen Van Tien Street,
Tan Phong Ward, Bien Hoa City, Dong Nai Province, Vietnam

Được sản xuất tại nhà máy: Ấp Cẩm Sơn,
Xã Xuân Mỹ, Huyện Cẩm Mỹ, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Made in factory: Cam Son Hamlet, Xuan My Commune,
Cam My District, Dong Nai Province, Vietnam.

Phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia / conforms to the technical regulation:

QCVN 16:2019/BXD

và được phép sử dụng dấu hợp quy/ and can bear the technical-regulation conformity mark

Phương thức chứng nhận/ Certification mode: Phương thức 5/Mode no. 5

(Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ/
Circular No. 28/2012/TT-BKHCN dated 12/12/2012 of the Ministry of Science and Technology)

Ngày ban hành/ Date issued: 15/04/2021

Hiệu lực/ Valid to: 15/04/2024

Tổ chức chứng nhận Vinacontrol
Vinacontrol Certification Body

Chủ tịch Hội đồng chứng nhận
The Chairman of the Certification Board

Giám đốc
Director

PHAN VĂN HÙNG

ĐỒ THỊNH THẮNG



CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI – MÔI TRƯỜNG THIÊN PHƯỚC
NHÀ MÁY XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT, CÔNG NGHIỆP VÀ CHẤT THẢI NGUY HẠI
HỒ SƠ NĂNG LỰC – PHÁP LÝ

LÒ ĐỐT TIÊU HỦY CTNH

Diện tích: 1.500m²

Công suất: 20 tấn/ngày (6.600 tấn/năm)

Hệ thống vận hành tự động

Hệ thống kiểm soát nhiệt tự động



QHS Certification Services





CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI – MÔI TRƯỜNG THIÊN PHƯỚC
NHÀ MÁY XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT, CÔNG NGHIỆP VÀ CHẤT THẢI NGUY HẠI
HỒ SƠ NĂNG LỰC – PHÁP LÝ

HỆ THỐNG XỬ LÝ BÓNG ĐÈN

Công suất: 20 tấn/năm
Nghiền bóng đèn, hóa rắn



HỆ THỐNG THÁO DỠ LINH KIỆN ĐIỆN TỬ

Công suất: 264 tấn/năm





CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI – MÔI TRƯỜNG THIÊN PHƯỚC
NHÀ MÁY XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT, CÔNG NGHIỆP VÀ CHẤT THẢI NGUY HẠI
HỒ SƠ NĂNG LỰC – PHÁP LÝ

HỆ THỐNG SÚC RỬA THÙNG PHUY

Công suất: **1.386 tấn/năm**

Hệ thống vận hành tự động





CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI – MÔI TRƯỜNG THIÊN PHƯỚC
NHÀ MÁY XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT, CÔNG NGHIỆP VÀ CHẤT THẢI NGUY HẠI
HỒ SƠ NĂNG LỰC – PHÁP LÝ

HỆ THỐNG TẮY RỬA KIM LOẠI – NHỰA NHIỄM CTNH

Công suất: **2.640 tấn/năm**

Gia nhiệt bằng điện



HỆ THỐNG PHÁ DỠ ẮC QUY

Công suất: **200 tấn/năm**





CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI – MÔI TRƯỜNG THIÊN PHƯỚC
NHÀ MÁY XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT, CÔNG NGHIỆP VÀ CHẤT THẢI NGUY HẠI
HỒ SƠ NĂNG LỰC – PHÁP LÝ

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI, CHẤT THẢI LỎNG VÀ DẦU THẢI

Công suất: 10.000 tấn/năm



QHS Certification Services





CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI – MÔI TRƯỜNG THIÊN PHƯỚC
NHÀ MÁY XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT, CÔNG NGHIỆP VÀ CHẤT THẢI NGUY HẠI
HỒ SƠ NĂNG LỰC – PHÁP LÝ

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC RỈ RÁC – NƯỚC THẢI TẬP TRUNG (RO)

Công suất: 120 m³/ngày đêm

Hệ thống vận hành tự động

Công nghệ CHLB Đức

Nước sau xử lý đạt chuẩn loại A



QHS Certification Services





CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI – MÔI TRƯỜNG THIÊN PHƯỚC
NHÀ MÁY XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT, CÔNG NGHIỆP VÀ CHẤT THẢI NGUY HẠI
HỒ SƠ NĂNG LỰC – PHÁP LÝ

HỆ THỐNG SẢN XUẤT GẠCH KHÔNG NUNG

Công suất: **100 tấn/ngày**
Hệ thống vận hành tự động



QHS Certification Services

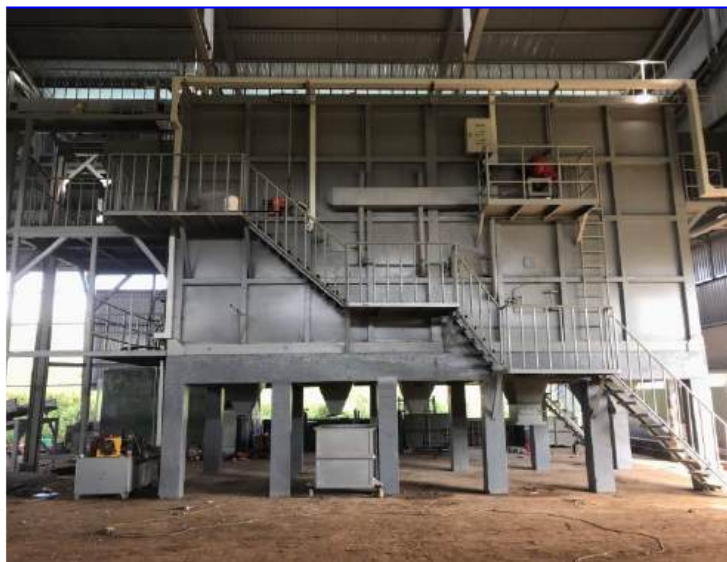




CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI – MÔI TRƯỜNG THIÊN PHƯỚC
NHÀ MÁY XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT, CÔNG NGHIỆP VÀ CHẤT THẢI NGUY HẠI
HỒ SƠ NĂNG LỰC – PHÁP LÝ

LÒ ĐỐT RÁC THẢI SINH HOẠT

Công suất: 72 tấn/ngày
Hệ thống vận hành tự động
Công nghệ Việt Nam.



QHS Certification Services





CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI – MÔI TRƯỜNG THIÊN PHƯỚC
NHÀ MÁY XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT, CÔNG NGHIỆP VÀ CHẤT THẢI NGUY HẠI
HỒ SƠ NĂNG LỰC – PHÁP LÝ

HỒ CHÔN LẤP AN TOÀN

Diện tích: **6.250 m²**

Tiêu chuẩn thiết kế: TCXDVN 320-2004

Vải địa 03 lớp, HDPE 02 lớp.

Hệ thống thu khí + hệ thống thu nước rỉ rác



QHS Certification Services





CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI – MÔI TRƯỜNG THIÊN PHƯỚC
NHÀ MÁY XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT, CÔNG NGHIỆP VÀ CHẤT THẢI NGUY HẠI
HỒ SƠ NĂNG LỰC – PHÁP LÝ

NHÀ XƯỞNG, KHO CHỨA CHẤT THẢI



QHS Certification Services





CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI – MÔI TRƯỜNG THIÊN PHƯỚC
NHÀ MÁY XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT, CÔNG NGHIỆP VÀ CHẤT THẢI NGUY HẠI
HỒ SƠ NĂNG LỰC – PHÁP LÝ

PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN VÀ TRẠM CÂN

Xe tải, xe bồn, xe container theo quy định về vận chuyển CTNH
Giám sát việc giao nhận, vận chuyển chất thải
Cân trọng lượng trước và sau khi giao nhận





CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI – MÔI TRƯỜNG THIÊN PHƯỚC
NHÀ MÁY XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT, CÔNG NGHIỆP VÀ CHẤT THẢI NGUY HẠI
HỒ SƠ NĂNG LỰC – PHÁP LÝ

DIỄN TẬP HỘI THAO PCCC, CNCH – THOÁT HIỂM



QHS Certification Services



MỘT SỐ HỢP ĐỒNG ĐANG THỰC HIỆN			
STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	SỐ ĐT
1	CÔNG TY TNHH NỘI THẤT GỖ DA FANG	KCN Hồ Nai – Giai Đoạn 2, Xã Hồ Nai 3, Huyện Trảng Bơ	0913.94.....
2	CÔNG TY TNHH SONION VN	Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, TP Thủ Đức, TP.	028.3736.....
3	CÔNG TY TNHH NIPPON PAINT VN	KCN Biên Hòa II, Phường Long Bình Tân ,TP Biên Hòa,	0251 3. 836
4	CÔNG TY TNHH HUNG NGUYỄN PHÁT	CCN Vật Liệu Xây Dựng, Xã Hồ nai 3, Huyện Trảng Bơ	0251398.....
5	CÔNG TY TNHH AUREOLE FINE CHEMICAL PRODUCTS	KCN Long Bình, phường Long Bình, Biên Hòa, Đồng Nai	0251.889....
6	CÔNG TY TNHH MTV THANH TOÀN PHÁT	Phường Bình Chuẩn, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình D	0274.3798....
7	CÔNG TY TNHH ANSELL VINA	Khu Công Nghiệp Long Thành, Đồng Nai	02513 514....
8	CÔNG TY CP BAO BÌ ĐẠM PHÚ MỸ	KCN Phú Mỹ 1, P.Phú Mỹ, TX. Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - V	0643921.....
9	CÔNG TY CỔ PHẦN STARPRINT VIỆT NAM	KCN Long Bình (Amata) P.Long Bình, TP. Biên Hòa, T	0251 - 393...
10	CÔNG TY TNHH NHỰA VÀ HÓA CHẤT TPC VINA	KCN Gò Dầu, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh H	0251.384...
11	CÔNG TY TNHH ASIA PAINT VN	KCN Việt Hương , P. Thuận Giao, TP. Thuận An, tỉnh B	0274. 3743...
12	CÔNG TY CP NHỰA RELIABLE VN	KCN Amata, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai	02513.936...
13	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP VIETSHUENN	KCN Hồ Nai III, huyện Trảng Bơ, tỉnh Đồng Nai.	0613.983....
14	CÔNG TY TNHH WOOREE VINA	Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1, huyện Nhơn Trạch, tỉnh	02513.56...
15	Công ty TNHH Electronic Tripod Việt Nam (Biên Hòa)	Khu công nghiệp Biên Hòa II, phường An Bình, TP. Biên	0251 8890....
16	CÔNG TY TNHH KOVA NANOPRO	KCN Tây Bắc Củ Chi, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, Tp	028 3620....
17	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ PHÚ CUÔNG THỊNH	Phường Hồ Nai, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	02513.880....
18	CÔNG TY AJINOMOTO VN	KCN Biên Hòa I, P. An Bình, TP. Biên Hòa, T. Đồng Na	0251 3831....
19	CN CÔNG TY TNHH THỦY TINH MALAYA VN	KCN Mỹ Xuân A, Mỹ Xuân, Phú Mỹ, Bà Rịa - Vũng Tàu	0254.39404....
20	CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ GOLD LONG JONH ĐỒNG NAI VN	KCN Nhơn Trạch 2, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai	02513-569.039
21	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG GREENDREAM	thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	02543 501...
22	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NỘI THẤT HẢI ÂU (VIỆT NAM)	KCN Đất Đỏ I, Xã Phước Long Thọ, Huyện Đất Đỏ, Tỉnh	
23	CÔNG TY TNHH HUATEX VIỆT NAM	KCN Nhơn Trạch 6, Xã Long Thọ, Huyện Nhơn Trạch, T	02513683....
24	CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ - THƯƠNG MẠI HÒA PHƯỢNG	Xã Lộc An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Na	0963.27....
25	CÔNG TY CỔ PHẦN GREENFEED VIỆT NAM – CN GIỐNG CẨM MỸ	Xuân Tây, Cẩm Mỹ, Đồng Nai, Việt Nam	
26	CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DỆT MAY THỂ HOÀ TẠI NHƠN TRẠCH – ĐỒNG NAI	KCN Nhơn trạch 6, Xã Long Thọ, Huyện Nhơn Trạch, T	093110...
27	HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ VỆ SINH – MÔI TRƯỜNG NGHĨA TỈNH	Phường An Phú, Thị Xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương	0913.704....
28	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NEWTECONS	96 Phan Đăng Lưu, Q.Phú Nhuận	0283514...
29	CÔNG TY CỔ PHẦN XD SỐ 1 VIỆT QUANG	KDC Cityland, P5, Gò Vấp, TP.HCM	02822530...
30	TỔNG CÔNG TY XD HÀ NỘI CTCP	Phố Quang Trung, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, HN	0243822...
31	CÔNG TY CP VINACONEX 25	Phan Đăng Lưu, P Hòa Cường Nam, Hải Châu, Đà Nẵng	02363621...
32	CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XD RICONs	96 Phan Đăng Lưu, Q.Phú Nhuận	0835140...
33	CÔNG TY CP XD PHỤC HƯNG HOLDINGS	P. Trung Vãn, Nam Từ Liêm, HN	02466645...
34	CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XD SOL E&C	96 Phan Đăng Lưu, Q.Phú Nhuận	0283820...

**CÔNG TY TNHH
THƯƠNG MẠI – MÔI TRƯỜNG THIÊN PHƯỚC**

**ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH :11/02/19, KP 11, ĐƯỜNG NGUYỄN VĂN TIÊN, PHƯỜNG TÂN
PHONG, TP. BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM**

**ĐỊA CHỈ XỬ LÝ: ÁP CẨM SƠN, XÃ XUÂN MỸ, HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI,
VIỆT NAM**

**PHƯƠNG ÁN TIẾP NHẬN, VẬN CHUYỂN, GIAO NHẬN
VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI LẤN DẦU**

NĂM 2024

**PHƯƠNG ÁN TIẾP NHẬN, VẬN CHUYỂN, GIAO NHẬN
VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI LẦN ĐẦU**

Người lập	
Người thẩm tra	

Ban hành	Chỉnh sửa lần 1	Chỉnh sửa lần 2

MỤC LỤC

1. PHƯƠNG ÁN TIẾP NHẬN, VẬN CHUYỂN, GIAO NHẬN VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI LẦN ĐẦU
 - I. CÔNG TÁC CHUẨN BỊ
 - II. CÔNG TÁC TIẾP NHẬN, CHUYỂN GIAO:
 - III. QUY TRÌNH XỬ LÝ NƯỚC THẢI LẦN ĐẦU
2. DANH SÁCH CÁC PHƯƠNG TIỆN CỦA CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI – MÔI TRƯỜNG THIÊN PHƯỚC
3. GIẢI PHÁP VỆ SINH MÔI TRƯỜNG TRONG QUÁ TRÌNH THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI
4. GIẢI PHÁP BIỆN PHÁP AN TOÀN LAO ĐỘNG AN TOÀN GIAO THÔNG, AN TOÀN PCCC

PHƯƠNG ÁN TIẾP NHẬN, VẬN CHUYỂN, GIAO NHẬN VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI LẦN ĐẦU

I. CÔNG TÁC CHUẨN BỊ:

Bước 1: Khi nhận được yêu cầu tiếp nhận thanh thải, vận chuyển và xử lý nước thải lần đầu từ cá chủ nguồn thải bằng văn bản, email, fax.... Phòng KD KT phối hợp với Cán bộ Phụ trách môi trường lập bảng báo giá và chuyển cho khách hàng tham khảo và ký phê duyệt.

Bước 2: Cán bộ Phụ trách môi trường cùng Phòng Kế toán soạn thảo hợp đồng nguyên tắc trình Ban Giám đốc phê duyệt.

Bước 3: Ban Giám đốc xem xét nội dung và giá trị hợp đồng, căn cứ theo tình hình thực tế tại Nhà máy xử lý để đồng ý hoặc chuyển sang phương án thực hiện khác.

Bước 4: Chuyển hợp đồng đã được phê duyệt cho khách hàng. Lập thông báo đồng ý tiếp nhận, vận chuyển và xử lý nước thải lần đầu cho khách hàng. Kiểm tra, bố trí và thông báo cho phương tiện có tải trọng phù hợp với khối lượng tiếp nhận theo hợp đồng để chuẩn bị thực hiện dịch vụ. Tiến hành làm các thủ tục xin phép các cơ quan chức năng cho phương tiện cập mạn tiếp nhận nước thải.

Bước 5: Trên cơ sở khối lượng nước thải lần đầu theo hợp đồng, Phòng KT-KD và Cán bộ Phụ trách môi trường thông báo cho Nhà máy xử lý có kế hoạch chuẩn bị tiếp nhận và xử lý đơn hàng trên.

II. CÔNG TÁC TIẾP NHẬN, CHUYỂN GIAO:

Bước 1: Thông báo, điều động phương tiện đã được chỉ định và được cấp phép ra vị trí tàu bên A neo đậu để tiếp nhận nước thải lần đầu. Thông báo cho cơ quan cấp phép (cảng vụ hàng hải, phòng pháp chế....) về thời gian, vị trí chuyển giao nước thải lần đầu để có kế hoạch giám sát thực hiện. Tiến hành đầu nối các đường ống liên quan đến việc chuyển giao và tiếp nhận, kiểm tra kín khít của các khớp nối, chuẩn bị các vật dụng, trang thiết bị....phục vụ cho công tác an toàn giao nhận, PCCC....theo quy định. Cử người phối hợp với bên phương tiện giao nước thải trực hiện trường nhằm xử lý các trường hợp phát sinh đột xuất trong suốt quá trình giao nhận. Sau khi hoàn tất, lập biên bản giao nhận, các biểu mẫu xác nhận thực hiện việc chuyển giao theo quy định của các cơ quan chức năng. Chuyển cho các bên liên quan ký xác nhận.

Bước 2: Trong thời gian chờ cơ quan chức năng cấp phép sử dụng bến thủy nội địa cho Công Ty TNHH TM – MT Thiên Phước. Công Ty sẽ liên kết sử dụng cầu cảng (Công ty TNHH Cảng QT Tân Cảng – Cái Mép) để phối hợp bố trí thời gian và khu vực cho phương tiện được phép cập cầu chuyển giao khối lượng nước thải lần đầu lên xe bồn. Sau khi đã được sự đồng ý của Cảng Bảo Toàn và các cơ quan có thẩm quyền, phương tiện vận chuyển đường thủy sẽ tiến hành neo cập tại cầu cảng để thực hiện bàn giao cho phương tiện vận chuyển đường bộ.

Do Cảng Quốc Tế Tân Cảng – Cái Mép không có khả năng lưu giữ nước lẫn cặn dầu nên Công Ty TNHH TM – MT Thiên Phước sẽ điều động số lượng xe bồn có dung tích phù hợp với số lượng nước thải lẫn dầu đến khu vực cầu cảng để tiếp nhận bằng hình thức sử dụng đường ống mềm chuyên dụng trang bị trên phương tiện, vận chuyển về và bàn giao cho Nhà máy xử lý tại địa chỉ: Ấp Cẩm Sơn, Xã Xuân Mỹ, Huyện Cẩm Mỹ, Tỉnh Đồng Nai. Tiến hành đấu nối các đường ống liên quan đến việc chuyển giao và tiếp nhận, kiểm tra kín khít của các khớp nối, chuẩn bị các vật dụng, trang thiết bị....phục vụ cho công tác an toàn giao nhận, PCCC....theo quy định. Cử người phối hợp giữa hai bên giao và nhận nước thải trực hiện trường nhằm xử lý các trường hợp phát sinh đột xuất trong suốt quá trình giao nhận. Việc chuyển giao nước thải lẫn dầu từ phương tiện thủy lên xe bồn L và từ xe bồn vào kho chứa chung tại Nhà máy xử lý được thể hiện trên các bản biên bản giao nhận khối lượng thực tế sau khi các bên tiến hành đo kiểm tra và cùng ký xác nhận.

Tuyến hành trình đường bộ dự kiến:

Cảng Quốc Tế Tân Cảng - Cái Mép – QL51– Đường Láng lớn – QL56– (Khu xử lý chất thải công ty TNHH TM MT Thiên Phước) xã Xuân Mỹ, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

Bước 3: Xử lý nước thải lẫn dầu theo quy trình đã được các cơ quan về Môi trường có thẩm quyền của Nhà nước cấp phép. Ghi chép nhật ký xử lý, lưu lượng. Sau khi quá trình vận hành xử lý hoàn tất, Cán bộ Phụ trách môi trường có nhiệm vụ ghi các thông số vào chứng từ CTNH được phát hành theo mẫu bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường trình Giám đốc ký, giữ các liên của chủ xử lý và chuyển giao các liên còn lại cho chủ nguồn thải theo quy định.

Bước 4: Sau khi chuyển giao liên chứng từ xác nhận đã hoàn tất việc xử lý. Tiến hành lập nghiệp thu, thanh lý hợp đồng với bên A (chủ nguồn thải). Lưu hồ sơ xử lý, lập báo cáo định kỳ cho các cơ quan chức năng theo quy định

QUY TRÌNH XỬ LÝ NƯỚC THẢI LẦN ĐẦU

I/ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

❖ Chức năng

Xử lý nước thải phát sinh do hoạt động tái chế, xử lý chất thải nguy hại của Khu xử lý và nước thải thu gom từ bên ngoài về.

➤ Công suất của hệ thống:

- Lưu lượng xử lý trung bình: $5 \text{ m}^3/\text{giờ}$ ($120 \text{ m}^3/\text{ngày}$)
- Thời gian vận hành hệ thống: tối đa là 24 giờ/ngày
- Quá trình xử lý gián đoạn theo mẻ, xử lý riêng theo tính chất đặc thù của từng loại nước thải, từng dòng thải được thu gom về từ các chủ nguồn thải khác nhau.
- Tiêu chuẩn nước thải sau xử lý: QCVN 40:2011, cột B. Nước thải sau xử lý tại hệ thống đạt QCVN 40:2011, cột B được dẫn về trạm xử lý nước rỉ rác để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011, cột A trước khi tái sử dụng hoàn toàn cho Khu xử lý.

➤ Lưu lượng và đặc tính nước thải

Lưu lượng nước thải đưa về HTXLNT hiện hữu khoảng $27 \text{ m}^3/\text{ngày}$ gồm 2 loại:

- Nước thải phát sinh từ các hoạt động của Khu xử lý: $17 \text{ m}^3/\text{ngày}$.
- Chất thải lỏng được thu gom theo hợp đồng từ các sở khác về Khu xử lý xử lý $10 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

Nước thải phát sinh do hoạt động sản xuất và thu gom gồm 4 dòng chính như sau:

Dòng 1: nước thải nhiễm dầu

Dòng 2: nước thải có nồng độ hữu cơ cao

Dòng 3: nước thải chứa hàm lượng kim loại nặng và nước thải chứa hóa chất

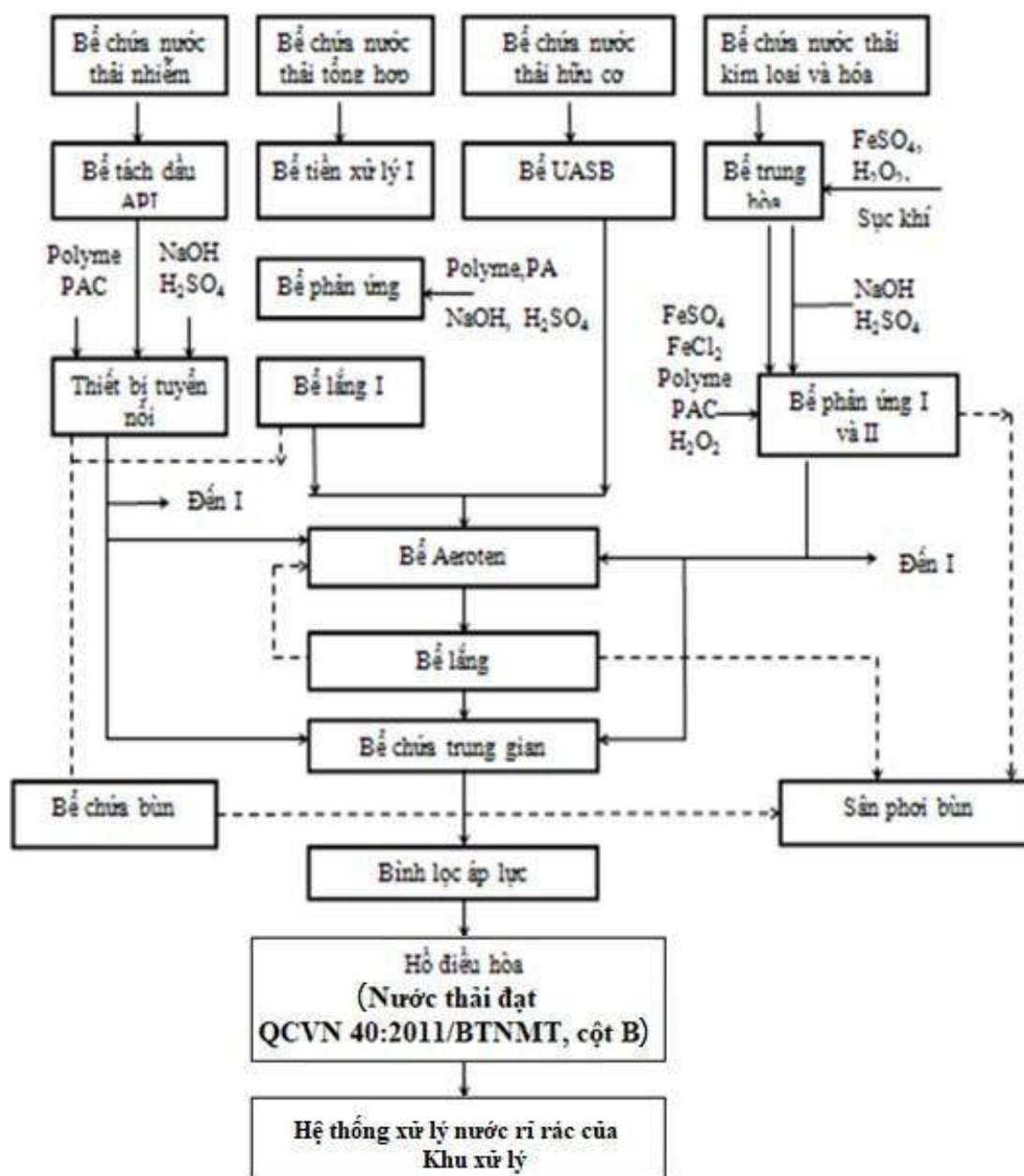
Dòng 4: nước thải tổng hợp: nước thải chứa axit, bazơ, vệ sinh nhà nhà xưởng, vệ sinh phương tiện vận chuyển, nước thải sinh hoạt, nước thải sau khi xử lý theo quy trình xử lý của dòng 1, 2, 3

➤ Quy trình xử lý

Toàn bộ nước thải sinh hoạt do hoạt động xử lý chất thải tại Khu xử lý sẽ được phân loại tại nguồn và cùng với nước thải thu gom về sẽ được cho 05 bể chứa nước thải.

Nước thải dòng 1, dòng 3, dòng 4 được xử lý bằng phương pháp hóa lý kết hợp với phương pháp sinh học để xử lý các chất hữu cơ, cặn lơ lửng, màu. Riêng nước thải dòng 2 được xử lý bằng phương pháp chính là xử lý sinh học. Nước thải được điều chỉnh pH trước khi cho vào bể yếm khí (đối với dòng thải có hàm lượng

COD>1000 mg/l). Sau xử lý yếm khí nước thải tiếp tục được xử lý bằng phương pháp hiếu khí bể Aeroten. Sau đó toàn bộ nước thải đều được bơm sang bể trung gian trước khi chuyển sang bể lọc than hoạt tính để khử mùi, khử màu, hấp thụ các chất độc hại, sau đó được bơm sang hồ điều hòa chứa nước sau xử lý. Nước thải dòng 1,3 được xử lý quy trình riêng và tùy mức độ tính chất ô nhiễm của nước thải đưa vào có thể được tiếp tục xử lý theo quy trình dòng 4 trước khi thải ra ngoài.



Hình 1. Quy trình công nghệ chung của HTXLNT

Xử lý nước thải nhiễm dầu

Nước thải nhiễm dầu phát sinh chủ yếu từ hoạt động tái chế dầu thải, gia công cơ khí, súc rửa bông chứa dầu, vệ sinh thiết bị máy móc.

Đặc tính của nước thải nhiễm dầu thể hiện ở bảng sau:

Bảng 1. Đặc tính nước thải ô nhiễm

STT	Thông số	Đơn vị	Đặc tính nước thải
1	pH	-	5,8-7,3
2	BOD	mg/l	72-250
3	COD	mg/l	650-1000
4	SS	mg/l	57-168
5	Dầu mỡ	mg/l	50-100

Phương pháp xử lý nước thải nhiễm dầu chủ yếu bằng trọng lực, tuyển nổi kết hợp với keo tụ, độ màu và chất lơ lửng còn lại (nếu có) sau tách dầu được xử lý tiếp bằng phương pháp keo tụ, chất hữu cơ còn lại (nếu có) sẽ tiếp tục được xử lý bằng phương pháp sinh học hiếu khí. Cần kiểm tra đầu vào nước thải nhiễm dầu tùy thuộc vào nguồn thu gom về để định hướng xử lý theo từng phương án. Quy trình xử lý thể hiện sơ đồ sau:

➤ Xử lý sơ bộ:

Có thể sử dụng các bể tiếp nhận nước thải để xử lý sơ bộ. Bể chứa có khả năng lưu trữ nước một thời gian từ 1 đến 2 giờ, tại đây nước được để yên tĩnh, các hạt có trọng lượng riêng lớn hơn sẽ lắng xuống dưới, chất có khối lượng riêng nhẹ nổi lên với nước ra khỏi bể từ phía dưới và dầu nổi lên trên mặt nước.

➤ Xử lý cấp 1:

Với thiết bị tách dầu API sẽ loại bỏ các chất lơ lửng (cát, sét, sỏi nhỏ), dầu nổi có đường kính >100 μm với hiệu suất đạt 50-60%, nồng độ dầu sau xử lý đạt 50-100 ppm. Thiết bị API có thể tách dầu mà không cần dùng một hóa chất, chất đông tụ hay chất trợ giúp nào. Dầu và mỡ được tách từ thiết bị này chính là dầu ưu sẽ được thu hồi và tái chế.

➤ Xử lý cấp 2:

Nước thải tiếp tục được xử lý tuyển nổi kết hợp với keo tụ (tuyển nổi hóa học) để loại bỏ dầu còn lại sau tách pha, đồng thời loại bỏ SS và các chất hữu cơ, khử một phần độ màu nước thải với hiệu suất xử lý đạt 98%.

Quá trình keo tụ, sử dụng hóa chất keo tụ PAC và chất trợ lắng Polyme nhằm tăng hiệu suất quá trình loại bỏ các hạt vô cơ như SiO_2 , Fe_2O_3 , hặc hạt keo hữu cơ như dầu hoặc mỡ có kích thước rất nhỏ mà mắt thường không quan sát được. Tại bể có thiết bị đo pH để kiểm tra điều chỉnh đảm bảo pH tối ưu cho quá trình keo tụ khoảng pH= 5-9.

Nước thải lưu lại bể keo tụ (bể trộn) từ 3-5 phút sau khi diễn ra phản ứng và tạo bọt nước thải lần đầu tiếp tục được xử lý tại bể tuyển nổi. Tại đây, không khí từ bình khí nén sẽ sục trực tiếp vào dòng nước thải, khi đó các bọt khí sẽ bám lấy các giọt dầu nhỏ hơn khối lượng riêng của nước, những giọt dầu sẽ theo bọt khí nổi lên trên bề mặt ở dạng bọt. Bể tuyển nổi có nhiệm vụ làm các pha chứa dầu tự do và chất rắn nổi lên trên bề mặt lỏng để dễ dàng tách ra khỏi pha lỏng nhằm mục đích thu được nước phù hợp cho quá trình xử lý sinh học ở giai đoạn tiếp theo. Bọt nổi lên sẽ được thiết bị vớt bọt thu hồi để đưa về bể chứa dầu.

► Xử lý cấp 3

```

graph TD
    A[Bể chứa nước thải nhiễm dầu] --> B[Bể tách dầu AIP]
    B --> C[Thiết bị tuyển nổi]
    C --> D[Bể sinh học Aeroten]
    C --> E[Bể lắng 2]
    C --> F[Bể trung gian]
    C --> G[Thiết bị chứa bùn dầu]
    G -.-> F
    D --> E
    E --> F
    F --> H[Thiết bị lọc áp lực]
    H --> I[Hồ điều hòa]
    I --> J[Đạt QCVN 40:2011/BTNMT-cột B]
    
    K[Polyme PAC NaOH H2SO4] --> C
    L[Polyme PAC NaOH H2SO4] --> M[Bể phản ứng]
    M --> N[Bể lắng I]
    N --> O[Bể chứa bùn]
    O --> P[Sân phơi bùn]
    N -.-> D
    N -.-> E
    N -.-> F
    N -.-> G
  
```

Hình 2. Quy trình xử lý nước thải nhiễm dầu

Xử lý nước thải có nồng độ hữu cơ cao

Nguồn thải: Nước rỉ rác, nước thải từ ngành sản xuất thực phẩm...

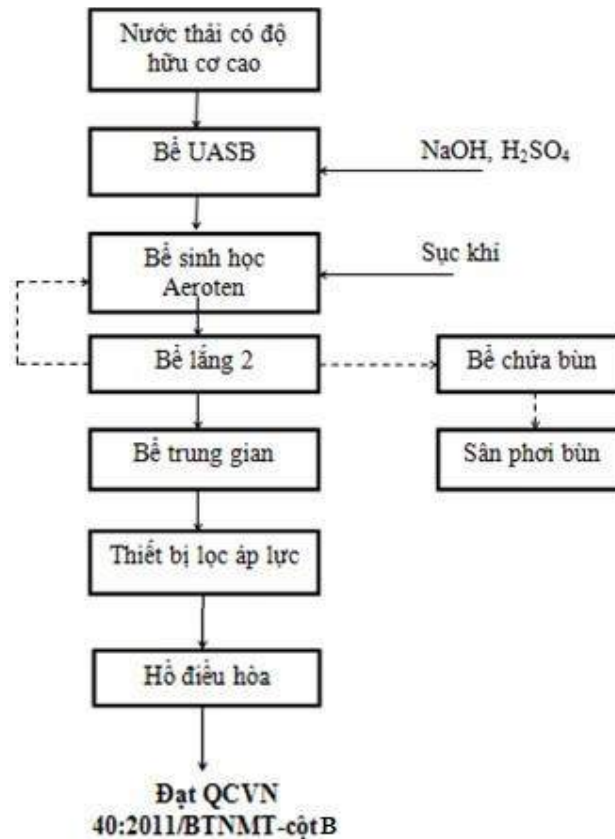
Đặc tính nước thải có nồng độ hữu cơ cao thể hiện ở bảng sau:

Bảng 2. Đặc tính nước thải có nồng độ hữu cơ cao

STT	Thông số	Đơn vị	Đặc tính nước thải
1	pH	-	5,8-7,3
2	BOD	mg/l	3000
3	COD	mg/l	3500
4	SS	mg/l	400

Sử dụng vi sinh vật kỵ khí để phân hủy các chất hữu cơ khó phân hủy trong nước thải có hàm lượng COD > 1000 mg/l xuống 500 mg/l, quá trình này đòi hỏi giám sát nghiêm ngặt, cần điều chỉnh pH. Nước thải tiếp tục xử lý hiếu khí bằng bể Arotank có nhiệm vụ khử các chất ô nhiễm còn lại, xử lý các thông số BOD, COD, N, P trong thành phần nước thải.

Sau đó hỗn hợp bùn hoạt tính và nước thải này chảy đến bể lắng có nhiệm vụ lắng và tách bùn ra khỏi nước thải một phần sẽ tuần hoàn trở lại bể Aerotank (25-75% lưu lượng) giữ ổn định mật độ vi khuẩn tạo điều kiện phân hủy nhanh nhất chất hữu cơ, đồng thời ổn định nồng độ MLSS = 3000 mg/L. Nước thải sau khi qua bể lắng tự chảy vào bể trung gian. Tại đây nước thải tiếp tục được bơm vào thiết bị lọc áp lực có than hoạt tính nhằm khử mùi, khử màu, hấp phụ các chất độc hại trước khi thải ra hồ điều hòa.



Hình 3. Nước thải có nồng độ hữu cơ cao

➤ **Xử lý nước thải chứa kim loại nặng và hóa chất**

Nguồn thải: nước thải từ công nghệ xi mạ, luyện kim, nước thải xử lý khí thải lò đốt CTNH...

Bảng 3. Đặc tính nước thải chứa kim loại nặng

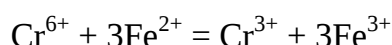
STT	Thông số	Đơn vị	Đặc tính nước thải
1	pH	-	3 – 11
2	Cr ⁺⁶	mg/l	1 – 100
3	Zn	mg/l	20 – 150
4	Fe	mg/l	1 – 50
5	Ni	mg/l	5 – 85

Đối với các kim loại nặng trong nước thải được xử lý bằng phương pháp kết tủa hóa học, phương pháp này dựa trên phản ứng hóa học giữa chất đưa vào nước thải với kim loại cần tách, ở độ pH thích hợp đối với từng loại hóa chất thích hợp sẽ tạo thành hợp chất kết tủa và được tách ra bằng phương pháp lắng. Dòng nước thải đưa vào có nhiều nguồn và tính chất khác nhau nên cần kiểm tra nguồn và phân tích để định hướng xử lý như sau:

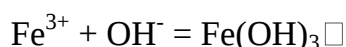
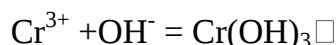
Với nước thải ô nhiễm chính do kim loại nặng được xử lý tại bể phản ứng keo tụ hai cấp để xử lý kim loại nặng, chất rắn lơ lửng còn lại (nếu có) sẽ được xử lý tiếp tại bể phản ứng keo tụ lần nữa, các chất hữu cơ còn lại (nếu có) được xử lý tiếp bằng phương pháp sinh học.

Sau đó nước thải được bơm vào bể trung gian. Tại đây nước thải tiếp tục được bơm vào thiết bị lọc áp lực có bơm khử mùi, khử màu, hấp thụ các chất độc hại trước khi thải ra hồ điều hòa. Các hóa chất sử dụng trong quá trình xử lý như sau:

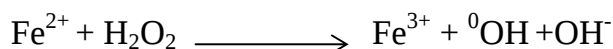
Sử dụng hóa chất khử (NaHSO_3 , hoặc FeSO_4) để khử $\text{Cr}^{6+} \rightarrow \text{Cr}^{3+}$ theo phản ứng sau:



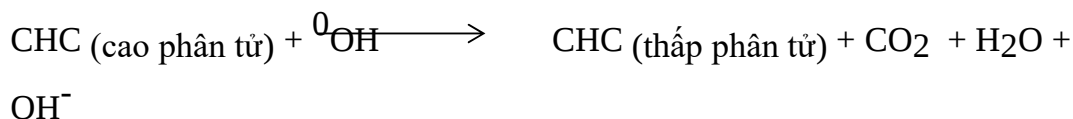
Cr^{3+} và Fe^{3+} dễ dàng kết tủa trong môi trường kiềm theo phản ứng



Sử dụng hóa chất Fenton để xử lý nguồn nước thải có độ hữu cơ, độ màu và mùi và kim loại nặng trong nước thải (nước thải từ quá trình xử lý khí lò đốt CTNH). Phản ứng Fenton với hỗn hợp gồm ion sắt II (muối FeSO_4) và Hydro peroxit (H_2O_2), chúng có phản ứng sinh ra gốc tự do $\text{OH}^\bullet$, còn Fe^{2+} oxy hóa thành Fe^{3+} theo phản ứng (trong môi trường $\text{pH} < 4$):



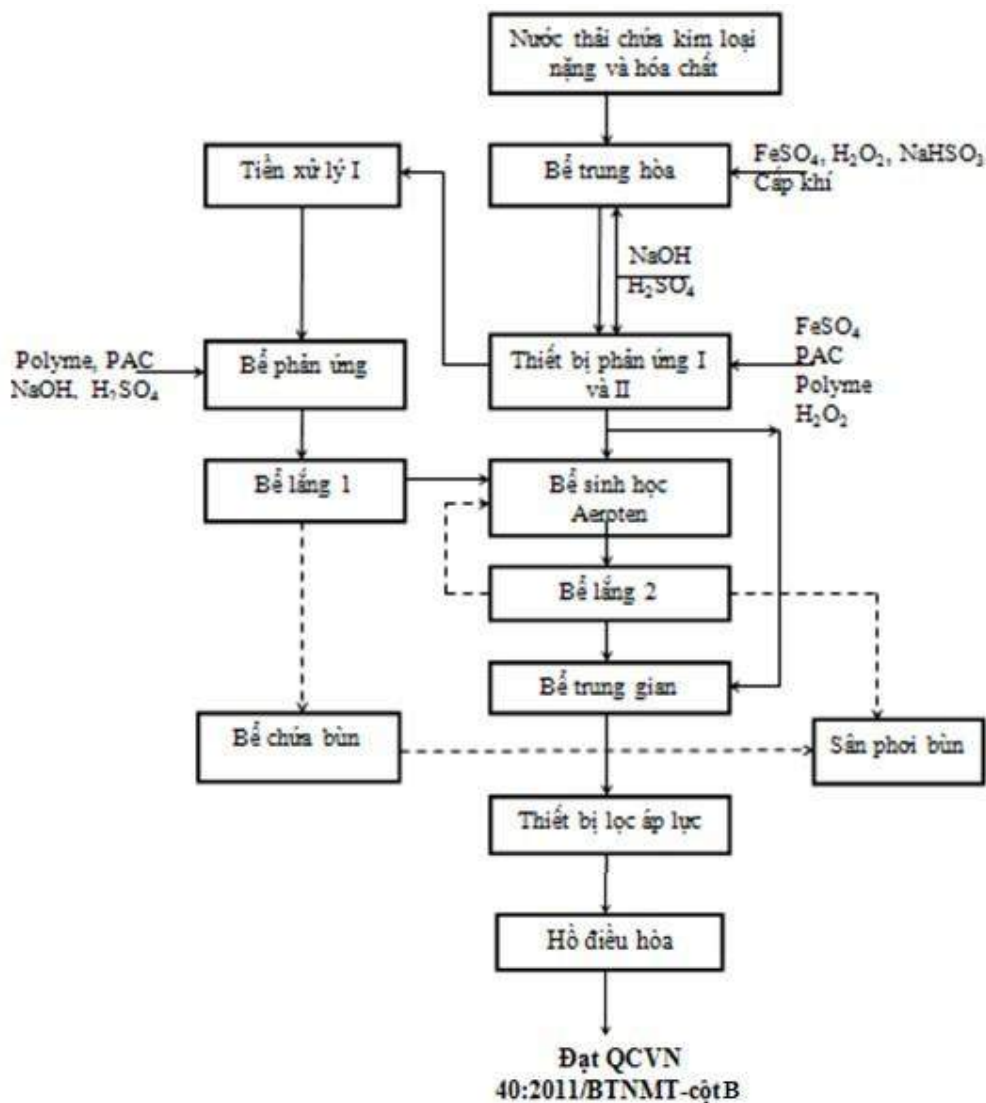
Các chất hữu cơ khó phân hủy trong nước tham gia phản ứng oxy hóa, chuyển các chất hữu cơ dạng cao thành các chất hữu cơ khối lượng phân tử thấp.



Sau quá trình oxy hóa nâng $\text{pH} > 7$ để kết tủa Fe^{3+} mới hình thành và kim loại trong nước thải sẽ kết tủa theo phản ứng:



Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn dùng phương pháp keo tụ sử dụng hóa chất keo tụ PAC và chất trợ lắng Polyme để tách bùn cặn. Các bông keo sao khi hình thành sẽ lắng xuống làm giảm COD, màu, mùi trong nước thải. Các chất hữu cơ có khối lượng phân tử thấp được xử lý bằng phương pháp sinh học.



Hình 4. Quy trình xử lý nước thải chứa kim loại nặng và hóa chất

➤ Xử lý nước thải tổng hợp

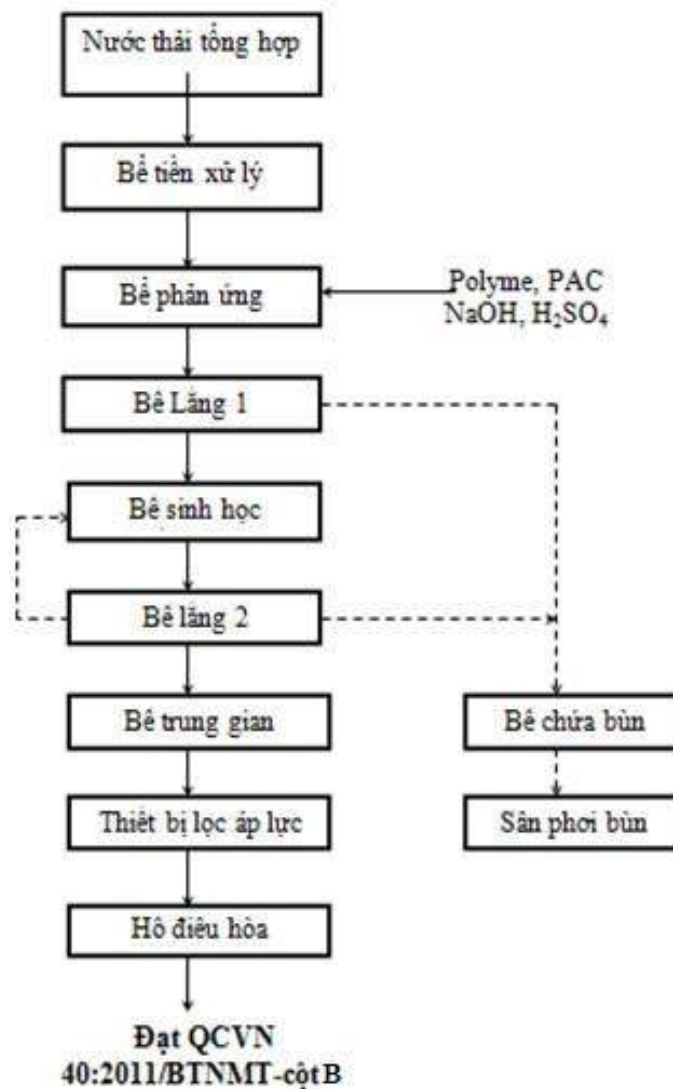
Nguồn gốc: Nước thải tổng hợp phát sinh từ quá trình vệ sinh phân xưởng, thiết bị, nước thải sau khi xử lý sơ bộ theo quy trình dòng 1,2,3 còn hàm lượng nhỏ chất hữu cơ, chất lơ lửng và độ màu.

Phương pháp xử lý nước thải tổng hợp như sau:

- Nước thải được xử lý sơ bộ bằng quá trình keo tụ sử dụng hóa chất keo tụ PAC và chất trợ lắng Polyme.
- Nước thải tiếp tục được xử lý hiếu khí bằng bể Aerotank có nhiệm vụ khử các chất ô nhiễm còn lại BOD, COD, N, P. Trong bể Aerotank khuấy trộn đều nước thải với bùn hoạt tính lơ lửng nhờ thiết bị sục khí và hệ thống phân phối khí đặt dưới đáy bể đồng thời khuếch tán oxy vào nước đảm bảo điều

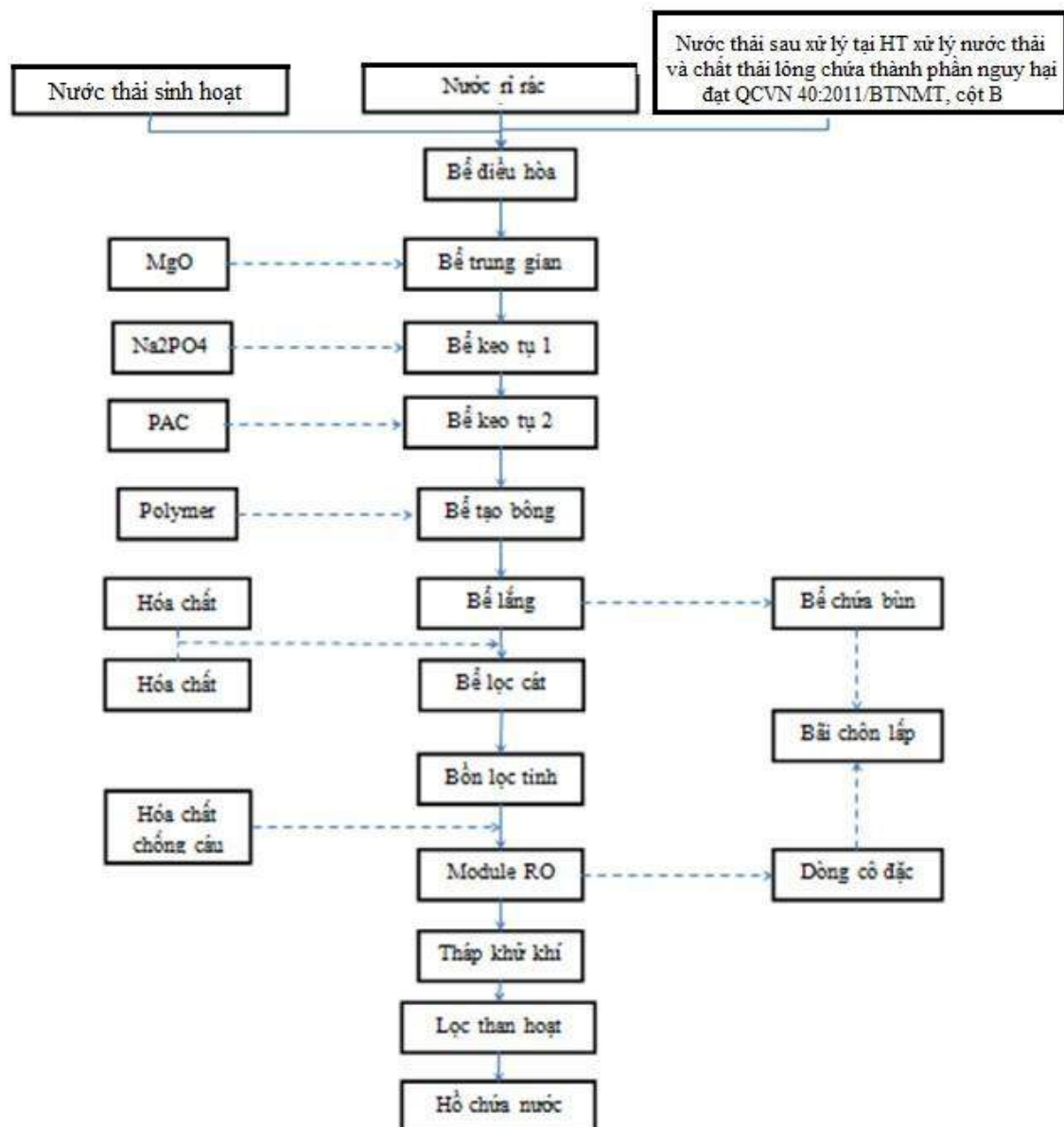
kiện cho quá trình phân hủy hiếu khí xảy ra. Vi sinh vật được tuần hoàn thường xuyên từ bể lắng 2 để duy trì vi sinh vật trong quá trình xử lý.

- Sau đó hỗn hợp bùn hoạt tính và nước thải này chảy đến bể lắng có nhiệm vụ lắng tách bùn ra khỏi nước thải, một phần sẽ tuần hoàn trở lại bể Aerotank (25-75% lưu lượng) giữ ổn định mật độ vi khuẩn tạo điều kiện phân hủy nhanh chất hữu cơ, đồng thời ổn định nồng độ MLSS = 3000 mg/l. Nước thải sau khi qua bể lắng sẽ tự chảy vào bể trung gian. Tại đây nước thải tiếp tục được bơm vào thiết bị lọc áp lực có than hoạt tính nhằm khử mùi, khử màu, hấp thụ các chất độc hại trước khi thải ra hồ điều hòa.



Hình 5. Quy trình xử lý nước thải tổng hợp

Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung



Hình 6. Sơ đồ quy trình hệ thống xử lý nước tập trung của Khu xử lý

Thuyết minh quy trình công nghệ:

Nước thải sau xử lý tại hệ thống đạt QCVN 40:2011, cột B được dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011, cột A được chứa trong hồ chứa nước sạch sau đó tái sử dụng hoàn toàn cho các hệ thống xử lý của khu xử lý như lò đốt; hệ thống súc rửa thùng phuy; sản xuất gạch không nung và rửa xe,...

Hình 7. Hệ thống thiết bị xử lý nước





DANH SÁCH CÁC PHƯƠNG TIỆN CỦA CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI – MÔI TRƯỜNG THIÊN PHƯỚC

Nhóm xe tải có thùng kín. - Xe Thaco BKS 60C - 063014 , tải trọng . 2.000kg - Xe Isuzu BKS 60C - 227.07 , tải trọng . 4.750kg - Xe Hino BKS 60C- 332.54 , tải trọng . 7.750 kg - Xe Hino BKS 51C – 541.81 , tải trọng 14,500 kg - Xe Hino BKS 51C – 583.97 , tải trọng 14,500kg Nhóm xe tải thùng hở có phủ bạt kín. - Xe Thaco BKS 60C -065.20 , tải trọng 6.000 kg - Xe Thaco BKS 60C – 065.51 , tải trọng 6.000kg - Xe Thaco BKS 60C – 065.25 , tải trọng 2.000 kg - Xe Hyundai, BKS 60C – 069.46 , tải trọng 3.700 kg - Xe Huynhdai BKS 60C – 199.08 , tải trọng 17,950 kg - Xe Huynh dai BKS 60C – 7560 , tải trọng 4.400 kg - Xe Hino BKS 60C – 007.620 tải trọng 8.400 kg - Xe Hino BKS 60C – 293.63 tải trọng 8.150 kg - Xe Hino BKS 60C - 257.95 tải trọng 15.400 kg - Xe DongFeng BKS 60C – 344.17 tải trọng 13.600 kg Nhóm xe bồn, Sitec, xe công - Xe Hino BKS 60C – 289.12 tải trọng 14.950 kg - Xe Hino BKS 60C – 159.150 tải trọng 30.000 Kg - Xe Hino BKS 60C – 103.26 tải trọng 30.000 kg	18	Vận chuyển
Đầu kéo: Sơ mi rơ moóc: - Sơ mi rơ moóc Chusheng. BKS 48B . 001.56 , tải trọng 26,45 tấn - Sơ mi rơ moóc 1-ongdi. BKS 60B 037.23 tải trọng 26,26 tấn	02	Vận chuyển

GIẢI PHÁP VỆ SINH MÔI TRƯỜNG TRONG QUÁ TRÌNH THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

1. Các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, bụi, mùi, khí thải từ các phương tiện giao thông để thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại

Xe vận chuyển CTNH hiện có của nhà máy đã được trang bị theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại như xe đảm bảo kín (thùng kín hoặc phủ bạt kín), có biển dấu hiệu cảnh báo các loại, gầm xe có thùng thu gom chất thải lỏng rò rỉ, hai bên thành xe có tên, địa chỉ, điện thoại của công ty, có dòng chữ **VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI**, có bình cứu hỏa, bao cát/mùn cưa, xẻng, hộp cứu thương, bảng quy trình vận hành an toàn và ứng phó sự cố, có thiết bị định vị vệ tinh GPS... và các xe tải này phải được cấp phép vận chuyển CTNH.

Đơn vị sử dụng các phương tiện thiết bị có mức ồn thấp để thi công. Giờ làm việc sẽ được quy định để giảm thời gian tác động của tiếng ồn vào ban đêm.

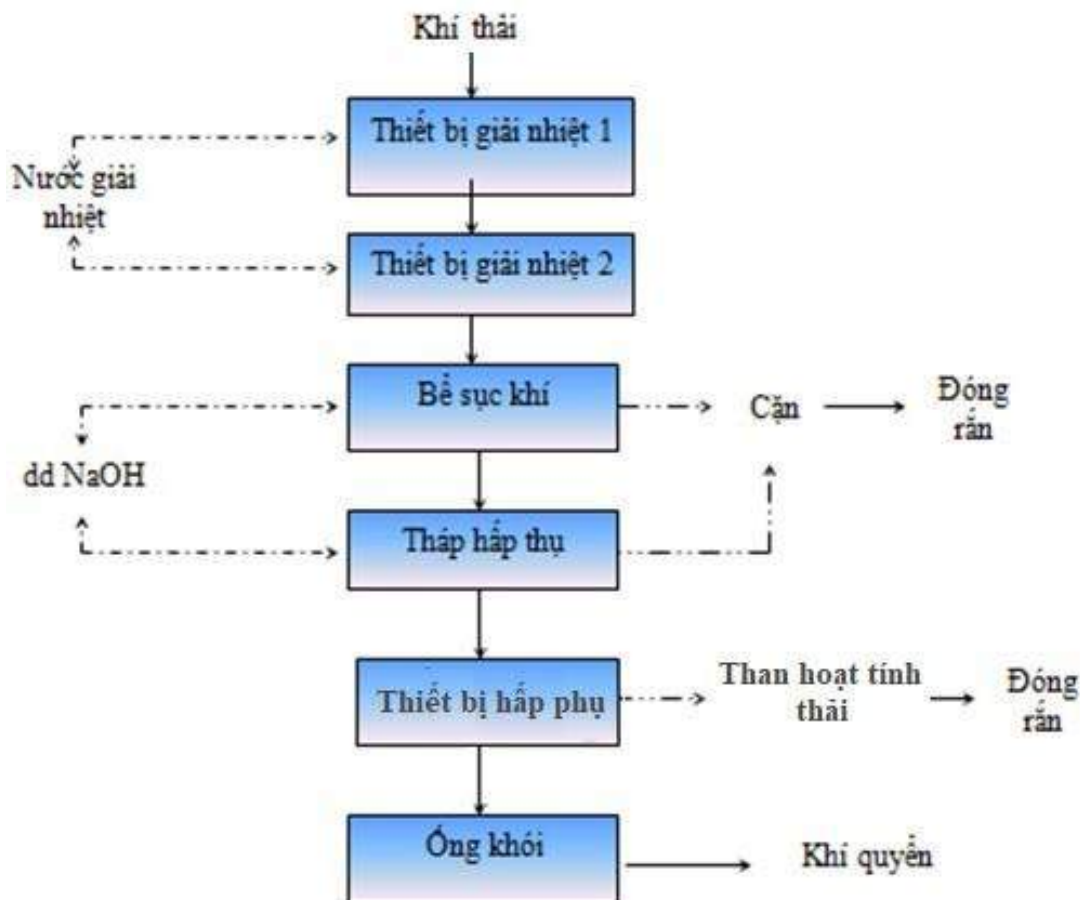
Khí thải của phương tiện vận tải chứa các chất ô nhiễm bao gồm: khói, bụi, mùi, SO_2 , NO_2 , CO , CO_2 , THC... Để giảm thiểu ô nhiễm do khí thải của các phương tiện giao thông vận tải có thể áp dụng các biện pháp như :

- + Thường xuyên kiểm tra bảo trì các phương tiện vận chuyển, sửa chữa và thay thế kịp thời các bộ phận hỏng hóc, hiệu chỉnh để máy móc có hiệu suất đốt nhiên liệu cao nhất;
- + Sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp, đúng với thiết kế của động cơ và nhiên liệu có chỉ số Octane (xăng), Cetane (Dầu DO) cao hơn sẽ giảm tải lượng ô nhiễm khí thải động cơ đốt trong;
- + Bố trí tần suất và điều phối lượng xe cho phù hợp, khi các xe lưu thông trong khu đô thị giảm tốc độ;
- + Các phương tiện thu gom và vận chuyển chất thải nguy hại phải được trang bị theo đúng quy định và tất cả các xe phải được cấp phép của Tổng cục Môi trường sau khi công ty thực hiện lập hồ sơ đăng ký hành nghề QLCTNH.

Thường xuyên phun nước, rửa đường khi trời nắng nóng;

2. Các biện pháp giảm thiểu phát sinh khí thải lò đốt

Thành phần của khí thải lò đốt tùy thuộc vào thành phần rác và các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình đốt. Khí thải lò đốt chất thải nguy hại có đặc trưng ô nhiễm chính CO , SO_2 , NO_x , hơi axit, bụi, kim loại, các hợp chất hữu cơ...



Hình 8: Quy trình xử lý khí thải

Thuyết minh quy trình công nghệ:

Hệ thống làm mát khí thải

Khí thải dẫn ra khỏi buồng đốt với nhiệt độ khoảng 1000°C, chứa bụi và khí độc hại được dẫn vào thiết bị trao đổi nhiệt. Sử dụng thiết bị trao đổi nhiệt có cấu tạo đặc biệt với hai hệ thống giải nhiệt liên hoàn bằng nước.

Hệ thống hấp thụ khí thải bằng dung dịch kiềm

Sau khi khí đi qua hệ thống sục khí, khí thải được đưa sang bộ phận hấp thụ khí bằng tháp đệm. Khí thải đi từ dưới tháp lên đỉnh, qua lớp đệm sứ, có bổ sung bằng dung dịch kiềm được phun qua các lỗ thùng trên đường ống. Lớp đệm vòng sứ tròn $\varnothing 36 \times 40$, tiết diện thoáng của lớp đệm là 0,5. Có khả năng chịu đựng môi trường hóa chất và nhiệt độ cao, không bị ăn mòn, giảm trở lực, ít bị tắc. Lớp đệm có tác dụng tăng diện tích và thời gian tiếp xúc giữa pha khí và pha lỏng để quá trình hấp thụ được diễn ra triệt để, hấp thụ bụi và các khí axit có trong khí thải. Dung dịch hấp thụ sử dụng là dung dịch kiềm (Bơm dung dịch hấp thụ 2HP).

Trong quá trình này, khí thải tiếp xúc trực tiếp với dung dịch kiềm, nhiệt độ giảm xuống nhiều do quá trình trao đổi nhiệt độ trực tiếp. Khí thải ra khỏi tháp nhiệt còn khoảng 100-

200oC. Quá trình này đồng thời làm lắng nốt phần bụi có kích thước nhỏ còn lại trong khí thải. Bộ tách giọt nước trong tháp hấp thụ sẽ được thu hồi lại các giọt nước nhỏ bị dòng khí chuyển động kéo theo.

Hấp phụ khí thải bằng than hoạt tính

Khí thải sau khi được xử lý tại tháp hấp thụ sẽ tiếp tục được dẫn sang tháp hấp phụ. Tại đây các thành phần độc hại như dioxin/furan, các kim loại nặng, các thành phần hữu cơ độc hại,... sẽ bị ái lực của than hoạt tính hấp thụ hoàn toàn, định kỳ sẽ thay than hoạt tính khi vận hành được khoảng 20 ngày.

Nước thải ra từ xyclon nước và tháp hấp thụ được thu hồi về bể chứa dung dịch tuần hoàn nhiều ngăn để làm nguội, lắng tách vẩn và bổ sung hóa chất để đảm bảo độ pH (8,5-9,5) trước khi được tái tuần hoàn sử dụng trong xyclon nước và tháp hấp thụ.

Than hoạt tính thải thu gom từ tháp hấp phụ được chuyển sang hệ thống đóng rắn để xử lý.

Theo định kỳ, cặn xả ra từ bể dung dịch tuần hoàn được đem đi xử lý tiếp hay trộn lẫn với chất thải rắn khác để đốt trong cùng lò.

Khí sạch sau khi ra khỏi tháp hấp phụ có nhiệt độ dưới 100oC sẽ được quạt hút đưa vào ống khói thải cao để phát tán ra ngoài môi trường.

Khói thải sau khi xử lý qua hệ thống xử lý khí thải đạt tiêu chuẩn QCVN 30:2012/BTNMT được thải ra ngoài không khí qua ống khói cao 28 mét.

Ống khói có chiều cao được tính toán phù hợp theo quy định của QCVN 30:2012/BTNMT, đảm bảo yêu cầu về chất lượng không khí xung quanh khi phát tán vào môi trường không khí. Trên ống khói có điểm (cửa) lấy mẫu khí thải với đường kính 10 (mười) cm, có nắp đậy để điều chỉnh độ mở rộng, kèm theo sàn thao tác đảm bảo an toàn, thuận lợi khi tiếp cận và lấy mẫu.

Sơ đồ công nghệ cho xử lý hơi khí độc trong quá trình sản xuất được trình bày như trên đạt hiệu suất xử lý bụi là 95% và khí thải là 90%. Do đó sẽ đảm bảo đạt tiêu chuẩn thải ra môi trường xung quanh QCVN 30:2012/BTNMT.

Bảng 4: Danh sách các thiết bị hệ thống xử lý khí thải lò đốt

Thiết bị	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ
Bể sục khí	- Kích thước DxRxC: 6.000x2.300x3.000 mm - Vật liệu: Inox 304 - Hệ thống ống dẫn khí làm bằng: inox 304 - Bơm hóa chất: thiết bị G7, 15 m³/h, 5Hp	VN

Tháp hấp thụ	- Kích thước: □2.000 x 5.800 mm - Vật liệu: inox 304 - Vật liệu đệm: lớp sứ viên dày 200mm - Lớp tách mù dày 200mm - Bơm hóa chất: thiết bị G7, 15m³/h; 5Hp - Bơm áp lực cao phun sương 10m³/h; 5Hp	VN
Ống khói	- Gồm 2 đoạn - Đoạn dưới: inox 304 dày 6mm cuốn thành ống D800 dài 7,5m - Đoạn nối D800 dài 1,5m và côn D800-600 dài 1m - Đoạn trên dài 18m, inox 304 dày 4mm cuốn thành ống D600 + Gồm 3 đoạn 7,5+7,5+3m, nối với nhau thông qua mặt bích có gân gia cố - Trang bị hệ thống thu lòi trên đỉnh ống - Lỗ lấy mẫu khí thải được đặt tại ống thoát khí kết nối từ tháp hấp thụ	VN

3. Biện pháp đối với sự cố trong quá trình thu gom, vận chuyển lưu giữ và xử lý chất thải

Để giải quyết tốt các vấn đề phòng và ứng cứu sự cố, doanh nghiệp lập thành một hệ thống quản lý, bảo vệ môi trường tại các cơ sở. Hệ thống bao gồm Ban giám đốc, nhân viên và toàn bộ công nhân tại cơ sở.

Hệ thống có vai trò chủ đạo, chỉ huy mọi hoạt động môi trường thường nhật hàng ngày với các công tác: quan trắc chất lượng môi trường, kiểm tra trang thiết bị xử lý ô nhiễm, kiểm tra tình hình giữ gìn vệ sinh môi trường tại các cơ sở... Vấn đề về quản lý, bảo vệ môi trường cũng như việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa sự cố được báo cáo định kỳ trong các cuộc họp giao ban công việc chung và đầu tuần hàng tháng và năm. Định kỳ hàng năm 2 lần, hệ thống quản lý, bảo vệ môi trường sẽ tổ chức diễn tập ứng cứu sự cố PCCC, sự cố rò rỉ cho lực lượng công nhân viên tại các cơ sở.

Để phòng ngừa sự cố, doanh nghiệp xây dựng đồng bộ các biện pháp về kỹ thuật, tổ chức huấn luyện, tuyên truyền giáo dục và pháp chế. Các biện pháp phòng ngừa sự cố mà doanh nghiệp thực hiện là :

- Tập huấn đội ngũ vận chuyển nguyên, vật liệu, thành phẩm...các biện pháp ứng phó với sự cố rò rỉ, đổ tràn chất thải trong quá trình vận chuyển.
- Tổ chức các khóa học và mời chuyên gia tập huấn về công tác phòng chống cháy nổ, an toàn lao động.

- Xây dựng chi tiết các bảng nội quy về an toàn lao động cho từng khâu và từng công đoạn sản xuất

- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn tổ chức các buổi huấn luyện về kỹ thuật an toàn lao động và nâng cao nhận thức phòng chống sự cố cho toàn bộ công nhân viên.

- Định kỳ gửi cán bộ, công nhân viên theo các lớp học, hội thảo về xử lý chất thải, vệ sinh môi trường do Sở Tài nguyên và Môi trường, các trường học và các ban ngành liên quan tổ chức, cụ thể:

- + Tập huấn, nâng cao nhận thức chuyên môn về quản lý chất thải do Sở Tài nguyên & Môi trường tổ chức.

- + Tham dự hội thảo và training chuyên đề về quản lý chất thải rắn do các Bộ, ngành tổ chức.

- + Tham gia các khóa học, nâng cao nhận thức về an toàn lao động và phòng chống, ứng cứu sự cố môi trường.

- + Tổ chức tham quan công tác quản lý chất thải của một số doanh nghiệp trong và ngoài nước.

- Thực hiện thường xuyên và khoa học các chương trình vệ sinh, quản lý chất thải.

- Đôn đốc và giáo dục các cán bộ công nhân viên trực thuộc Nhà máy, các khách hàng thực hiện các qui định về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, đồng thời tổ chức thực hiện việc kiểm tra y tế định kỳ cho công nhân Nhà máy.

- Thường xuyên kiểm tra độ bền, độ an toàn của các bồn chứa, máy móc thiết bị

- Có chế độ bảo trì bảo dưỡng thích hợp.

- Các phương án phòng chống và ứng cứu sự cố được hệ thống quản lý lập sẵn cho từng khu vực cháy và cấp độ cháy;

- Hệ thống quản lý và bảo vệ môi trường của doanh nghiệp luôn trong tình trạng sẵn sàng ứng cứu.

- Tổ chức thông gió tốt cho các kho để tránh tích tụ nồng độ đến mức nguy hiểm, đặc biệt đối với dung môi hữu cơ.

- Chỉ được sử dụng ánh sáng tự nhiên hoặc đèn phòng cháy nổ trong các kho chứa

- Giữa các lô hàng trong kho phải có khoảng cách nhất định để cho các phương tiện chữa cháy có thể ra vào được.

Chủ dự án cam kết sẽ thực hiện chương trình quản lý và kiểm soát ô nhiễm môi trường như đã trình bày trong báo cáo.

GIẢI PHÁP BIỆN PHÁP AN TOÀN LAO ĐỘNG AN TOÀN GIAO THÔNG, AN TOÀN PCCC

1. Giải pháp, biện pháp an toàn lao động trong công tác thu gom chất thải nguy hại và người dân xung quanh

- Công nhân thu gom được trang bị bảo hộ lao động: mũ, găng tay, bít mắt, áo bảo hộ để bảo vệ.

- Bao bì chứa chất thải nguy hại phải có khả năng chống được sự ăn mòn, không bị gỉ, không phản ứng hóa học, có khả năng chống thấm, rò rỉ. Chịu được va chạm, không bị hư hỏng, rách vỡ vỡ bởi trọng lượng chất thải trong quá trình sử dụng thông thường.

- Sau khi kiểm tra xác nhận về chủng loại và khối lượng CTNH thì Công ty cung cấp cho chủ nguồn thải phiếu giao nhận chất thải 2 bên đều ký thống nhất .

2. Giải pháp, biện pháp an toàn giao thông trong công tác vận chuyển chất thải nguy hại và người dân xung quanh

- Sử dụng phương tiện vận chuyển chuyên dụng có trong giấy phép CTNH, đảm bảo đáp ứng nhu cầu thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải nguy hại các bể chứa trên địa bàn huyện.

- Phương tiện vận chuyển rác phải đáp ứng việc san tiếp rác trực tiếp trên xe, không để rác tiếp đất.

- Lái xe vận chuyển phải có bằng cấp lái xe đúng với phương tiện vận chuyển.

- Chở đúng tải trọng cho phép của xe, nghiêm cấm chở quá tải gây mất an toàn giao thông.

- Xe vận chuyển phải đi đúng lịch trình, lộ trình, hạn chế đi vào các khu vực đông dân cư, nơi có mật độ giao thông cao, xe phải có gắn định vị GPS, biển báo, phải đảm bảo thông tin liên lạc trên các tuyến đi.

3. Giải pháp, biện pháp an toàn PCCC trong công tác vận chuyển chất thải nguy hại và người dân xung quanh

- Phương tiện vận chuyển CTNH khi đang hoạt động phải trang bị như sau:

+ Các dụng cụ cứu hỏa (bình bột cứu hỏa dập lửa) theo quy định về phòng cháy chữa cháy còn thời hạn kiểm định.

+ Hộp sơ cứu vết thương; bình chứa dung dịch soda gia dụng để trung hoà khẩn cấp vết bỏng axit trong trường hợp vận chuyển chất thải có tính axit.

+ Có các bản hướng dẫn rút gọn về quy trình vận hành an toàn phương tiện vận chuyển và xếp dỡ hay nạp xả CTNH, quy trình ứng phó sự cố (kèm theo danh sách điện thoại của các cơ quan quản lý môi trường, công an, cấp cứu, cứu hỏa của các địa phương trên địa bàn hoạt động), nội quy về an toàn lao động và bảo vệ sức khỏe (kèm theo yêu cầu về thiết bị bảo hộ cá nhân) đặt ở cabin hoặc khu vực điều khiển theo quy định của pháp luật, được in rõ ràng, dễ đọc, không bị mờ.

4. Giải pháp, biện pháp xử lý khí thải, bụi và ô nhiễm môi trường khi thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại

*** Đối với xe Thu gom, vận chuyển:**

Xe vận chuyển CTNH hiện có của nhà máy đã được trang bị theo đúng hướng dẫn trong Nghị định 08/2022/NĐ-CP Hướng dẫn luật bảo vệ môi trường và thông tư TT02/2022/BTNMT – Thông tư quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường như xe đảm bảo kín (thùng kín hoặc phủ bạt kín), có biển dấu hiệu cảnh báo các loại, gầm xe có thùng thu gom chất thải lỏng rò rỉ, hai bên thành xe có tên, địa chỉ, điện thoại của công ty, có dòng chữ VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI, có bình cứu hỏa, bao cát/mùn cưa, xẻng, hộp cứu thương, bảng quy trình vận hành an toàn và ứng phó sự cố, có thiết bị định vị vệ tinh GPS... và các xe tải này phải được cấp phép vận chuyển CTNH.

Khí thải của phương tiện vận tải chứa các chất ô nhiễm bao gồm: khói, bụi, SO₂, NO₂, CO, CO₂, THC... Để giảm thiểu ô nhiễm do khí thải của các phương tiện giao thông vận tải có thể áp dụng các biện pháp như :

- Thường xuyên kiểm tra bảo trì các phương tiện vận chuyển, sửa chữa và thay thế kịp thời các bộ phận hỏng hóc, hiệu chỉnh để máy móc có hiệu suất đốt nhiên liệu cao nhất;

- Sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp, đúng với thiết kế của động cơ và nhiên liệu có chỉ số Octane (xăng), Cetane (Dầu DO) cao hơn sẽ giảm tải lượng ô nhiễm khí thải động cơ đốt trong;

- Bố trí tần suất và điều phối lượng xe ra vào dự án cho phù hợp, khi các xe lưu thông trong khuôn viên Nhà máy giảm tốc độ;

- Các phương tiện thu gom và vận chuyển chất thải nguy hại phải được trang bị theo đúng quy định trong nghị định, thông tư ban hành và tất cả các xe phải được cấp phép của Tổng cục Môi trường sau khi công ty thực hiện lập hồ sơ đăng ký hành nghề QLCTNH.

Tiếng ồn của xe vận chuyển đảm bảo đúng theo tiêu chuẩn thiết kế của xe, không lắp thêm còi, kiểm định xe theo đúng thời gian quy định.

Thường xuyên phun nước, rửa đường khi trời nắng nóng;

*** Đối với hệ thống xử lý CTNH:**

Lò đốt, hệ thống hóa rắn chất thải được trang bị hệ thống xử lý khí thải đạt tiêu chuẩn đảm bảo xử lý tốt khí thải phát sinh theo đúng quy định.

Trên đây là các giải pháp, biện pháp mà công ty sẽ thực hiện trong thời gian thực hiện gói thầu của đối tác. Chúng tôi cam kết thực hiện công tác theo đúng tiến độ, giải pháp đã nêu đảm bảo điều kiện tốt nhất, không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh và người dân tại địa điểm thu gom, di chuyển trên đường về nhà máy xử lý CTNH theo quy định.

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI
MÔI TRƯỜNG THIÊN PHƯỚC
CTHĐTV**

NGUYỄN NGỌC BÉ